CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỒ SƠ MỜI THẦU QUA MẠNG

PETROVIETNAM
POWER-TSC

Tên gói thầu: **Gói thầu số 14 - Cung cấp dịch vụ kiểm tra, đánh giá, khắc phục sơn đường ống tuần hoàn nước làm mát bình ngưng, nước làm mát hở tổ máy số 1 NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2026**

Phát hành ngày: 12 /11/2025

Ban hành kèm theo Quyết định: 740/QĐ-TSC ngày 12/11/2025

Chủ đầu tư: **Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật**

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

M.S.C.N: 0102276173-009-C.T.C.P
CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP - TRUNG TÂM DỊCH VỤ KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phạm Đức Nghĩa

MỤC LỤC

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Phần 3. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Biểu mẫu hợp đồng

Phần 4. PHỤ LỤC

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSDT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSDT, mở thầu, đánh giá E-HSDT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương này được cố định theo định dạng tệp tin PDF/Word và đăng tải trên Hệ thống

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSDT, cụ thể:

- Mục 1 (Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT);
- Mục 2 (Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm);
- Mục 3 (Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật), Mục 4 (Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính) và Mục 5 (Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)) là tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư, tổ chuyên gia chuẩn bị và đăng tải trên Hệ thống.

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSMT và E-HSDT.

Chương này được cố định theo định dạng tệp tin PDF/Word và đăng tải trên Hệ thống.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương này bao gồm các yêu cầu về kỹ thuật của dịch vụ phi tư vấn được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word/CAD do Chủ đầu tư, tổ chuyên gia chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.

Phần 3. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Phần này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Các mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh) và Bảo lãnh tiền tạm ứng (nếu có yêu cầu về tạm ứng) do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.

Phần 4. PHỤ LỤC

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	1.1. Chủ đầu tư quy định tại **E-BDL** phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ phi tư vấn theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ. 1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm; số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu (trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập) được quy định tại **E-BDL**.
2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng	2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSDT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống. 2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động. 2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).
3. Nguồn vốn	Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại **E-BDL**.
4. Hành vi bị cấm	4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ. 4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức. 4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây: a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị E-HSDT hoặc rút E-HSDT để một bên trúng thầu; b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu; c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được Chủ đầu tư yêu cầu làm rõ E-HSDT hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu. 4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây: a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu; b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa

	chọn nhà thầu. 4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây: a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; b) Cản trở người có thẩm quyền, Chủ đầu tư, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu; c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu; d) Cố tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu; đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng. 4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây: a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của Chủ đầu tư không đúng quy định của Luật Đấu thầu; b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định E-HSMT đối với cùng một gói thầu; c) Tham gia đánh giá E-HSDT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu; d) Cá nhân thuộc chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu; đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu phi tư vấn do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế; lập, thẩm định E-HSMST, E-HSMT; đánh giá E-HSDST, E-HSDT; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện hợp đồng; e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn

	làm việc tại cơ quan, tổ chức đó; g) Nêu yêu cầu cụ thể về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa trong E-HSMT, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 44 và khoản 1 Điều 56 của Luật Đấu thầu; 4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 77, khoản 11 Điều 78, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82 của Luật Đấu thầu, bao gồm: a) Nội dung E-HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định; b) Nội dung E-HSDT; nội dung yêu cầu làm rõ E-HSDT của chủ đầu tư và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá E-HSDT; báo cáo của chủ đầu tư, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng E-HSDT trước khi được công khai theo quy định; c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định; d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật. 4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây: a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng; b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong E-HSDT mà không được Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận; c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này; d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.

5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu	5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Hạch toán tài chính độc lập; b) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản; c) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại **E-BDL**; d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu; đ) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự. 5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật; b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; c) Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm c và d Mục 5.1 E-CDNT.
6. Nội dung của E-HSMT	6.1. E-HSMT bao gồm E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây: **Phần 1. Thủ tục đấu thầu:** - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. **Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật:** - Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật. **Phần 3. Biểu mẫu hợp đồng** 6.2. Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ

	thống là cơ sở để xem xét, đánh giá. 6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT và các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.
7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT	7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (webform và file đính kèm). Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu; đối với gói thầu có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng, việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh E-HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu. 7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, Nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Chủ đầu tư thông qua Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Chủ đầu tư xem xét, xử lý. Chủ đầu tư tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. 7.3. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị của nhà thầu. 7.4. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSDT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi E-HSMT, thời điểm đóng thầu và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu. 7.5. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại **E-BDL**. Chủ đầu tư đăng tải thông báo tổ chức hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ

	thống; tất cả các nhà thầu quan tâm được tham dự hội nghị tiền đấu thầu mà không cần phải thông báo trước cho Chủ đầu tư. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải được ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu. 7.6. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT. 7.7. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSDT của nhà thầu.
8. Chi phí dự thầu	E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Chủ đầu tư đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSDT theo quy định tại **E-BDL**. Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.
9. Ngôn ngữ của E-HSDT	E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSDT (Catalog, tài liệu liên quan..) có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).
10. Thành phần của E-HSDT	E-HSDT phải bao gồm các thành phần sau: 10.1. Đơn dự thầu được Hệ thống trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT; 10.2. Thỏa thuận liên danh được Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với nhà thầu liên danh); 10.3. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 E-CDNT; 10.4. Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo Mục 16 E-CDNT; 10.5. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 15 E-CDNT; 10.6. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 13 E-CDNT; 10.7. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT

	theo quy định tại Mục 12 E-CDNT (nếu có); 10.8. Các nội dung khác theo quy định tại **E-BDL**.
11. Đơn dự thầu và các bảng biểu	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu được quy định tại E-HSMT để hoàn thành E-HSDT.
12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT	12.1. Trường hợp E-HSMT có quy định tại **E-BDL** về việc nhà thầu có thể đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay thế đó mới được xem xét. 12.2. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và nhà thầu được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để tổ chuyên gia có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ, tiến độ thực hiện, chi phí và các thông tin liên quan khác. Việc đánh giá đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III.
13. Giá dự thầu và giảm giá	13.1 Giá dự thầu ghi trong đơn và trong các bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này: a) Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu (chưa tính giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Hệ thống sẽ tự động trích xuất giá dự thầu từ Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E hoặc 11G) Chương IV vào đơn dự thầu. b) Tất cả các phần (đối với gói thầu chia thành nhiều phần) và các hạng mục phải được chào giá riêng trong các bảng giá dự thầu. Trường hợp tại cột "đơn giá" nhà thầu ghi là "0" thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của hạng mục công việc này vào hạng mục công việc khác thuộc gói thầu và sẽ không được Chủ đầu tư thanh toán riêng, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các hạng mục công việc theo yêu cầu của E-HSMT bảo đảm chất lượng, tiến độ. c) Đối với gói thầu không chia phần, trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, hợp đồng theo thời gian, giá trị giảm giá được tính trên giá dự thầu không bao gồm dự phòng.

	d) Nhà thầu phải nộp E-HSDT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong E-HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong cột "Danh mục dịch vụ" theo Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E hoặc 11G) Chương IV. 13.2. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thầu theo từng phần thì nhà thầu có thể dự thầu một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải dự thầu đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì thực hiện theo một trong hai cách sau đây: a) Cách thứ nhất: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu (trong trường hợp này được coi là nhà thầu giảm giá đều theo tỷ lệ cho tất cả phần mà nhà thầu tham dự). b) Cách thứ hai: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá cho từng phần vào webform trên Hệ thống. 13.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT. Trường hợp hồ sơ dự thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Chủ đầu tư xử lý tình huống theo quy định tại Quyết định số 858/QĐ-ĐLDK ngày 25/9/2025 và Quyết định số 441/QĐ-ĐLDK ngày 05/6/203 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP. 13.4. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất GTGT 10%, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại. Nhà thầu ghi rõ thuế suất thuế GTGT trong Bảng giá dự thầu là thuế suất thuế GTGT 10%.
14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán	Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.
15. Tài liệu chứng minh sự đáp ứng về kỹ thuật	15.1. Để chứng minh sự đáp ứng của dịch vụ so với yêu cầu của E-HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của E-HSDT (đính kèm file lên Hệ thống) để chứng minh rằng các dịch vụ mà mình cung cấp phù hợp với các yêu cầu và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Chương V. 15.2. Các tiêu chuẩn về cung cấp dịch vụ chỉ mang tính mô

	tả mà không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ khác với điều kiện chứng minh được với Chủ đầu tư rằng những tiêu chuẩn thay thế này tương đương hoặc cao hơn so với những tiêu chuẩn quy định tại Chương V.
16. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu	16.1. Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Chương III. Trường hợp được mời vào đối chiếu tài liệu, nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT và để Chủ đầu tư lưu trữ. 16.2. Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSDT và khi tham dự sơ tuyển thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.
17. Thời hạn có hiệu lực của E-HSDT	17.1. E-HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại **E-BDL**. 17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, Chủ đầu tư có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSDT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực E-HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSDT thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp, trong trường hợp này, nhà thầu không phải nộp bản gốc thư bảo lãnh cho Chủ đầu tư. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu.
18. Bảo đảm dự thầu	18.1. Khi tham dự thầu qua mạng, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một hoặc các hình thức thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành. Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, nhà thầu quét (scan) thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh và đính kèm khi nộp E-HSDT. Đối với bảo lãnh dự thầu điện tử, nhà thầu chọn bảo lãnh dự thầu điện

	tử được phát hành, lưu trữ trên Hệ thống. Trường hợp E-HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 17.2 E-CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy. Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau: a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì E-HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả; b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả. 18.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định cụ thể tại **E-BDL.** Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo đảm dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó). 18.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký (ký số đối với bảo lãnh dự thầu điện tử) hợp lệ, ký

	trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có). Đối với gói thầu bảo hiểm, nhà thầu tham dự thầu không được xuất trình giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh do mình phát hành. 18.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu theo thời hạn quy định tại E-BDL. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực. 18.5. Các trường hợp phải nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) cho Chủ đầu tư: a) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu; b) Nhà thầu vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây: - Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT; - Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu; - Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu; - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng; - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận

	được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng; - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng. 18.6. Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư, nếu nhà thầu từ chối hoặc không nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì nhà thầu sẽ bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu. 18.7. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập, nhà thầu có thể lựa chọn nộp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau đây: a) Bảo đảm dự thầu chung cho tất các phần mà mình tham dự thầu (giá trị bảo đảm dự thầu sẽ bằng tổng giá trị của các phần nhà thầu tham dự). Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu do nhà thầu nộp nhỏ hơn tổng giá trị cộng gộp thì Chủ đầu tư được quyền quyết định lựa chọn bảo đảm dự thầu đó được sử dụng cho phần nào trong số các phần mà nhà thầu tham dự; b) Bảo đảm dự thầu riêng cho từng phần mà nhà thầu tham dự. Trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì việc không hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu được tính trên phần mà nhà thầu vi phạm.
19. Thời điểm đóng thầu	19.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT. 19.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.
20. Nộp, rút và sửa đổi E-HSDT	20.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh. 20.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã

	nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT được sửa đổi. Trường hợp nhà thầu không nộp lại E-HSDT thì E-HSDT đã nộp trước thời điểm E-HSMT được sửa đổi sẽ không được mở, xem xét, đánh giá. 20.3. Rút E-HSDT: nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp rút E-HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT thì nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm dự thầu, bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu và không được tiếp tục đánh giá E-HSDT. Hệ thống thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSDT của nhà thầu. 20.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống (ngoại trừ E-HSDT của nhà thầu đã nộp trước thời điểm sửa đổi E-HSMT và nhà thầu không nộp E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT được sửa đổi) đều được mở thầu để đánh giá.
21. Mở thầu	21.1. Chủ đầu tư phải tiến hành mở thầu và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có 01 nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định của Quyết định số 441/QĐ-ĐLDK ngày 05/6/2023 của Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP về việc phê duyệt và ban hành Quy định mua sắm hàng hoá và dịch vụ từ nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP. 21.2. Biên bản mở thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau: a) Thông tin về gói thầu: - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu;

	- Tổng số nhà thầu tham dự. b) Thông tin về các nhà thầu tham dự: - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) (Hệ thống tự động tính trên cơ sở tính toán lại chi phí dự phòng sau khi giảm giá); - Giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu; - Thời gian có hiệu lực của E-HSDT; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Các thông tin liên quan khác (nếu có). c) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì phải bao gồm các thông tin về giá dự thầu cho từng phần như điểm b khoản này.
22. Bảo mật	22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu. 22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSDT (nếu cần thiết) và đối chiếu tài liệu, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, thành viên tổ chuyên gia về các vấn đề liên quan đến E-HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.
23. Làm rõ E-HSDT	23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSDT theo yêu cầu của Chủ đầu tư, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong E-HSDT của nhà thầu. Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của E-HSDT (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.

	23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSDT giữa nhà thầu và Chủ đầu tư được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống. 23.3. Việc làm rõ E-HSDT chỉ được thực hiện giữa Chủ đầu tư và nhà thầu có E-HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư sẽ đánh giá E-HSDT của nhà thầu theo E-HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Chủ đầu tư phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSDT. 23.4. Nhà thầu không thể tự làm rõ E-HSDT sau thời điểm đóng thầu. 23.5. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT. 23.6. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu. 23.7. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, máy móc, bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng mà E-HSDT không đính kèm các tài liệu này thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSDT.
24. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung	24.1. "Sai khác" là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong E-HSMT. 24.2. "Đặt điều kiện" là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong E-HSMT. 24.3. "Bỏ sót nội dung" là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong E-HSMT.
25. Xác định tính đáp ứng của E-HSDT	25.1. Tổ chuyên gia sẽ xác định tính đáp ứng của E-HSDT dựa trên nội dung của E-HSDT theo quy định tại Mục 10 E-CDNT. 25.2. E-HSDT đáp ứng cơ bản là E-HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong E-HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong E-HSDT

	mà: a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay hiệu quả sử dụng của dịch vụ được quy định trong hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với E-HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng; b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT . 25.3. Tổ chuyên gia phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của E-HSDT theo quy định tại Mục 15 E-CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu nêu trong Phần 2 – Yêu cầu về kỹ thuật đã được đáp ứng và E-HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản. 25.4. Nếu E-HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong E-HSMT thì E-HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT nhằm làm cho E-HSDT đó đáp ứng cơ bản E-HSMT.
26. Sai sót không nghiêm trọng	26.1. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT thì Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT. 26.2. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong E-HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá dự thầu. E-HSDT của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của Chủ đầu tư. 26.3. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, Chủ đầu tư, tổ chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các E-HSDT.
27. Nhà thầu phụ	27.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng với nhà thầu để thực hiện một phần công việc trong bảng tổng hợp giá dự thầu; không bao gồm tổ chức, cá nhân cung cấp, nguyên

	liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, cấu kiện bán thành phẩm, thiết bị, cho thuê thiết bị thi công. Việc nhà thầu thuê nhân công để thực hiện gói thầu không phải là sử dụng nhà thầu phụ. Nhà thầu phải kê khai Nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho Nhà thầu phụ theo Mẫu số 09A Chương IV. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được Nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho Nhà thầu phụ. 27.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại **E-BDL**. Đối với trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh chỉ được sử dụng nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm quy định tại Mục này trên giá trị phần công việc mà thành viên liên danh đó đảm nhận trong thoả thuận liên danh. 27.3. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ). 27.4. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được Chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc của gói thầu. 27.5. Nhà thầu có hành vi chuyển nhượng thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì bị xử lý theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. 27.6. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ mà nhà thầu phụ này có tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu mà nhà thầu đã trúng thầu và các công việc tư vấn này bao gồm: lập, thẩm tra thiết kế FEED, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; thẩm định giá; giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định; lập, thẩm định E-HSMST, E-HSMT; đánh giá E-HSDST, E-HSDT; thẩm định kết quả sơ tuyển (nếu có), kết quả lựa chọn nhà thầu; tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu.

28. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu	28.1 Nguyên tắc ưu đãi: a) Nhà thầu tham dự thầu thuộc đối tượng được hưởng nhiều hơn một loại ưu đãi trong đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc trong đánh giá về tài chính thì khi tính ưu đãi chỉ được hưởng một loại ưu đãi có lợi nhất cho nhà thầu tương ứng với từng nội dung đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc đánh giá về tài chính. b) Trường hợp tất cả các nhà thầu tham dự thầu đều được hưởng ưu đãi như nhau hoặc tất cả các nhà thầu đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không cần tính ưu đãi để so sánh, xếp hạng. c) Nhà thầu phải chứng minh nhà thầu, dịch vụ do nhà thầu chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu. 28.2. Sản phẩm đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP là dịch vụ phi tư vấn của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước được hưởng ưu đãi theo quy định tại **E-BDL.** 28.3. Trường hợp sau khi đánh giá, có nhiều nhà thầu được đánh giá tốt nhất, ngang nhau thì xử lý theo thứ tự ưu tiên như sau cho đến khi lựa chọn được nhà thầu trúng thầu: a) Trao thầu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (nếu có); b) Trao thầu cho nhà thầu có điểm kỹ thuật cao hơn hoặc có số tiêu chí đánh giá về kỹ thuật ở mức chấp nhận được ít hơn đối với trường hợp gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất; trao thầu cho nhà thầu có giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp hơn đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá. c) Trao thầu cho nhà thầu có trụ sở chính ở địa phương nơi triển khai gói thầu; d) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn; đ) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn ; e) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là

	nữ giới có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn ; g) Cho phép các nhà thầu này chào lại giá dự thầu để lựa chọn nhà thầu có giá chào thấp nhất. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). h) Mời các nhà thầu này tham gia chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). 28.4. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi nêu tại Mục 28.2 và Mục 28.3 E-CDNT, nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSDT. 28.5. Nhà thầu phải kê khai về dịch vụ được hưởng ưu đãi theo Mẫu số 12 Chương IV để làm cơ sở xem xét, đánh giá ưu đãi. Trường hợp nhà thầu không kê khai thì dịch vụ của nhà thầu được coi là không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi. 28.6. Trường hợp dịch vụ do các nhà thầu chào đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không tiến hành đánh giá và xác định giá trị ưu đãi. 28.7. Nhà thầu trong nước thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu khi chào thầu dịch vụ do nhà thầu cung cấp không phải đáp ứng điều kiện về bảo đảm cạnh tranh trong nội dung đánh giá về tư cách hợp lệ và yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm trong thời hạn 05 năm kể từ khi được cơ quan có thẩm quyền công nhận. Nhà thầu phải đính kèm tài liệu để chứng minh dịch vụ do nhà thầu chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi. 28.8. Các ưu đãi khác theo quy định tại E-BDL.
29. Đánh giá E-HSDT	29.1. Tổ chuyên gia áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại **E-BDL** để đánh giá E-HSDT. 29.2. Căn cứ vào E-HSDT của các nhà thầu đã nộp trên Hệ thống và phương pháp đánh giá E-HSDT tại Mục 29.1 E-CDNT, Tổ chuyên gia chọn 01 trong 02 quy trình đánh giá E-HSDT dưới đây cho phù hợp để đánh giá E-HSDT. 29.3. Quy trình 1 (áp dụng đối với phương pháp "Giá đánh giá" và "Giá thấp nhất"): a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III: - Đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu

	đối với các nội dung: + Tư cách hợp lệ của nhà thầu; + Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu. Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu. - Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của bảo đảm dự thầu, thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh). - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực, kinh nghiệm. b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III: - Tổ chuyên gia đánh giá các nội dung: Lịch sử không hoàn thành hợp đồng, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, doanh thu bình quân hằng năm trên cơ sở thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSDT. - Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, trường hợp E-HSMT có yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trên E-HSDT và tài liệu đính kèm để đánh giá; - Đối với các nội dung về nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có), tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai của nhà thầu; - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực, kinh nghiệm thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật. c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương III. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính. d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III. đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại **E-BDL**. Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải xếp hạng nhà thầu. e) Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu

	theo quy định tại Mục 30 E-CDNT. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu mà không phải xếp hạng lại nhà thầu. 29.5. Nguyên tắc đánh giá E-HSDT: a) Đối với các nội dung: Tư cách hợp lệ, nhà thầu không có nhân sự bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng, lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, doanh thu bình quân hằng năm, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hoặc có kê khai nhưng không đúng, không đầy đủ, không đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT thì Tổ chuyên gia sẽ đánh giá nhà thầu "không đạt" ở nội dung này. Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong E-HSDT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSDT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận; b) Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai theo hồ sơ dự thầu và thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp áp dụng thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) để đánh giá; c) Trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin về hợp đồng tương tự kê khai theo bảng tổng hợp tại E -HSDT và file tài liệu chứng minh các thông tin về hợp đồng đó thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT. Trường hợp các hợp đồng mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT hoặc nhà thầu không kê khai, kê khai không đầy đủ hợp đồng tương tự kê khai theo biểu mẫu tại E -HSDT. Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có hợp đồng đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại; d) Trường hợp nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có) mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (bao gồm cả trường hợp nhân sự, thiết bị đã huy

	động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự, thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận. Trường hợp nhà thầu được xếp hạng thứ nhất, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự chủ chốt đã đề xuất trong E-HSDT hoặc nhân sự chủ chốt đã được thay thế một lần theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP), trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự chủ chốt khác nhưng phải bảo đảm nhân sự chủ chốt dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự chủ chốt đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu. đ) Đối với các nội dung ngoài các nội dung nêu tại các điểm a, b, c và d khoản này, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai tại mẫu biểu hồ sơ dự thầu và file đính kèm thì thông tin kê khai theo mẫu biểu hồ sơ dự thầu là cơ sở để xem xét, đánh giá; e) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu, chứng minh các thông tin mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu mà không phải xếp hạng lại nhà thầu.
30. Đối chiếu tài liệu	30.1. Nhà thầu được Chủ đầu tư mời vào đối chiếu tài liệu phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và

	kinh nghiệm cho Chủ đầu tư để Chủ đầu tư[1] tổ chức đối chiếu tài liệu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT, bao gồm: a) Bản gốc bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp sử dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) hoặc tiền mặt hoặc Séc bảo chi theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT; b) Tài liệu chứng minh thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm gần nhất phù hợp với số liệu về thuế của nhà thầu trên Hệ thống thuế điện tử. c) Tài liệu chứng minh tình hình tài chính theo quy định tại Mẫu số 08 Chương IV phù hợp với số liệu tài chính trên Hệ thống thuế điện tử; d) Các tài liệu chứng minh về hợp đồng tương tự mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT (hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, thông tin về hóa đơn theo quy định của pháp luật…); đ) Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự chủ chốt (nếu có), thiết bị chủ yếu (nếu có): bằng cấp, chứng chỉ, kinh nghiệm của nhân sự mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT; e) Tài liệu khác (nếu có). 30.2. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được xét duyệt trúng thầu. Đối với số liệu về thuế, số liệu về tài chính từ năm 2021 trở đi do nhà thầu tự kê khai không phù hợp với số liệu trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu bị loại và bị coi là có hành vi gian lận quy định tại điểm b Mục 4.4 E-CDNT. 30.3. Chủ đầu tư gửi Thông báo mời đối chiếu tài liệu đến nhà thầu trên Hệ thống. Trong Thông báo mời đối chiếu tài liệu phải ghi rõ thời gian, địa điểm thực hiện đối chiếu tài liệu trên cơ sở bảo đảm nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị và đến đối chiếu tài liệu theo yêu cầu của Chủ đầu tư. 30.4 Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được tiếp tục thương thảo hợp đồng. 30.5 Việc thương thảo hợp đồng dựa trên các cơ sở sau đây: a) Báo cáo đánh giá E HSDT; b) E-HSDT và các tài liệu làm rõ, sửa đổi E-HSDT (nếu có)

	của nhà thầu; c) E-HSMT và các liệu làm rõ, sửa đổi E-HSMT . 30.6 Nguyên tắc thương thảo hợp đồng: a) Không thương thảo đối với các nội dung nhà thầu chào đúng theo yêu cầu của E-HSMT. b) Không được làm thay đổi đơn giá đã xác định tại bước đánh giá về tài chính, trừ trường hợp gói thầu áp dụng phương pháp dựa trên kỹ thuật. 30.7 Nội dung thương thảo hợp đồng: a) Những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa E-HSMT và E-HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong E-HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng; b) Các đề xuất thay đổi hoặc phương án kỹ thuật thay thế của nhà thầu nếu trong E-HSMT có quy định cho phép nhà thầu chào phương án kỹ thuật thay thế theo Mục 12.1 E-CDNT; c) Thương thảo về nhân sự chủ chốt: Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT hoặc nhân sự đã được thay thế một lần, trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu; d) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu; đ) Thương thảo về các sai sót không nghiêm trọng quy định tại Mục 26 E-CDNT; e) Trong quá trình thương thảo phải xác định rõ các khoản thuế nhà thầu phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế bao gồm: thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT và các vấn đề liên quan khác đến nghĩa vụ

	nộp thuế. Thuế suất, giá trị thuế nhà thầu phải nộp phải được nêu cụ thể trong hợp đồng; g) Thương thảo về giá trong trường hợp giá đề nghị trúng thầu vượt giá gói thầu được duyệt đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu theo quy định; h) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.
31. Điều kiện xét duyệt trúng thầu	Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: 31.1. Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III. Trường hợp tại thời điểm xét duyệt trúng thầu, nếu nhà thầu bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống thì Chủ đầu tư cần yêu cầu Nhà thầu thực hiện khôi phục trạng thái tham gia để được xét duyệt trúng thầu. 31.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III. 31.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III. 31.4. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại **E-BDL**. 31.5. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) không vượt giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu theo quy định tại E-BDL.
32. Hủy thầu	32.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm: a) Tất cả E-HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT; b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt đối với dự án hoặc thay đổi về mục tiêu, phạm vi mua sắm đối với dự toán mua sắm do sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức bộ máy nhà nước và các trường hợp bất khả kháng khác làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong E-HSMT; c) E-HSMT không tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu; d) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu. đ) Hủy thầu theo quy định tại khoản 5 Điều 42 của Luật Đấu thầu.

	32.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c và d Mục 32.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật. 32.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục này, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Chủ đầu tư phải hoàn trả hoặc giải toả bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại khoản 9 Điều 14 của Luật Đấu thầu.
33. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu	33.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSDT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau: a) Thông tin về gói thầu: - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời gian thực hiện gói thầu. b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu: - Mã số thuế; - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Điểm kỹ thuật (nếu có); - Giá đánh giá (nếu có); - Giá trúng thầu; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Thời gian thực hiện hợp đồng. c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu. 33.2. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị trên Hệ thống hoặc

	gặp trực tiếp Chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu. 33.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 32.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.
34. Thay đổi khối lượng dịch vụ	34.1. Vào thời điểm trao hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền tăng hoặc giảm khối lượng dịch vụ nêu trong Chương IV với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ quy định tại **E-BDL** và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của E-HSDT và E-HSMT. Tỷ lệ tăng, giảm khối lượng không vượt quá 10%. 34.2. Tùy chọn mua thêm: Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, Chủ đầu tư với nhà thầu thỏa thuận mua bổ sung khối lượng dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại **E-BDL** và đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 39 của Luật Đấu thầu. Phần công việc mua bổ sung phải tương tự với phần công việc nêu trong hợp đồng đã ký kết và đã có đơn giá. Khối lượng dịch vụ bổ sung này không được sử dụng để đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với nhà thầu liên danh, việc phân chia trách nhiệm thực hiện khối lượng bổ sung theo tùy chọn mua thêm thực hiện theo tỷ lệ phân chia công việc theo hợp đồng đã ký, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.
35. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng	Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 13 cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng được tính kể từ ngày Chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.
36. Điều kiện ký kết hợp	36.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.

đồng	36.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của E-HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định nêu trong E-HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu. 36.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.
37. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	37.1. Nhà thầu được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại Mục 5 E-ĐKC Chương VI. Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu quy định tại Phần 4 hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận. 37.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây: a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực; b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.
38. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu	38.1. Đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu a) Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị Hội đồng giải quyết kiến nghị, người có thẩm quyền, Chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 89 của Luật Đấu thầu và các Điều 137, 138 và 139 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. b) Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Hội đồng giải quyết kiến nghị, người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại **E-BDL.** 38.2. Đối với hoạt động lựa chọn nhà thầu quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 Luật Đấu thầu hoặc hoạt động lựa chọn nhà thầu không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu, việc giải quyết kiến nghị thực hiện theo quy định tại **E-BDL.**

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẤU THẦU

E-CDNT 1.1	Tên Chủ đầu tư: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN – TRUNG TÂM DỊCH VỤ KỸ THUẬT
E-CDNT 1.2	Tên gói thầu: Gói thầu số 14 - Cung cấp dịch vụ kiểm tra, đánh giá, khắc phục sơn đường ống tuần hoàn nước làm mát bình ngưng, nước làm mát hở tổ máy số 1 NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2026 Tên dự án/dự toán mua sắm: Dịch vụ phục vụ Trung tu Tổ máy số 01 Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 năm 2026 Số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu: Theo quy định tại mục E-CDNT 18.2 Chương này.
E-CDNT 3	Nguồn vốn: Vốn SXKD Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP Việc tổ chức thực hiện lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo: - Quyết định số 858/QĐ-ĐLDK ngày 25/9/2025 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP về việc phê duyệt ban hành Quy chế quản lý hoạt động mua sắm hàng hóa, dịch vụ và bảo trì công trình xây dựng phục vụ sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP. - Quyết định số 441/QĐ-ĐLDK ngày 05/6/2023 của Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP về việc phê duyệt và ban hành Quy định mua sắm hàng hoá và dịch vụ từ nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP.
E-CDNT 5.1 (c)	Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau: - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau: + Trường hợp nhà thầu, chủ đầu tư là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước, nhà thầu được tham dự gói thầu của chủ đầu tư nếu sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu đó thuộc ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính của tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước. + Trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập, nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực

	tiếp quản lý với Chủ đầu tư, trừ trường hợp: nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó; các đơn vị sự nghiệp công lập có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý. + Đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với chủ đầu tư. - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau: + Tư vấn lập thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán: Không có; + Tư vấn thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán: Không có; + Tư vấn thẩm định giá: Không có; + Tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định: Không có; + Tư vấn lập E-HSMT: Không có; + Tư vấn thẩm định E-HSMT: Không có; + Tư vấn đánh giá E-HSDT: Không có; + Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: Không có; + Tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu: Không có; Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với nhà thầu tư vấn (đã nêu trên)[1]. Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau: $$\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^{n} Xi \times Yi$$

	Trong đó: X_i: Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i; Y_i: Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh; n: Số thành viên tham gia trong liên danh. - Nhà thầu trong nước thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu khi chào thầu dịch vụ do nhà thầu đó cung cấp không phải đáp ứng quy định về bảo đảm cạnh tranh quy định tại Mục này.
E-CDNT 7.5	Hội nghị tiền đấu thầu: Không
E-CDNT 8	Chi phí nộp E-HSDT: Theo quy định của hệ thống.
E-CDNT 10.8	Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây: Báo cáo tài chính, Hợp đồng tương tự và các tài liệu khác theo yêu cầu của e-HSMT.
E-CDNT 12.1	Nhà thầu nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế: Không được phép.
E-CDNT 17.1	Thời hạn hiệu lực của E-HSDT là: ≥ 90 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 18.2	Nội dung bảo đảm dự thầu: - Giá trị bảo đảm dự thầu: 64.500.000 đồng Đối với nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu nêu trên trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện các hành vi này. Trường hợp nhà thầu liên danh, thành viên liên danh có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP như nêu trên phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị bảo đảm dự thầu tương ứng với tỷ lệ giá trị công việc thành viên đó đảm nhận trong liên danh trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện hành vi này. - Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: ≥ 120 ngày
E-CDNT	Thời gian hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn: 14 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn

18.4	nhà thầu được phê duyệt.
E-CDNT 18.9	Bảo đảm dự thầu: Không áp dụng.
E-CDNT 27.2	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 50% giá dự thầu của nhà thầu.
E-CDNT 28.2	Cách tính ưu đãi: Không áp dụng.
E-CDNT 28.8	Các ưu đãi khác (nếu có): Không áp dụng
E-CDNT 29.1	Phương pháp đánh giá E-HSDT là: - Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về kỹ thuật: Đạt/Không đạt - Đánh giá về tài chính: Phương pháp giá thấp nhất.
E-CDNT 29.3 (đ)	Xếp hạng nhà thầu: "Nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất".
E-CDNT 31.4	Nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất.
E-CDNT 31.5	Giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu: Giá gói thầu được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.
E-CDNT 34.1	Tỷ lệ tăng khối lượng tối đa là: 10% Tỷ lệ giảm khối lượng tối đa là: 10%
E-CDNT 34.2	- Tùy chọn mua thêm: Không áp dụng.
E-CDNT 38.1	- Địa chỉ nhận kiến nghị Chủ đầu tư, người có thẩm quyền: Ông Nguyễn Minh Tuấn - Giám đốc Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, 167 đường Trung Kính, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội.
E-CDNT	Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan,

38.2	tổ chức được kiến nghị theo quy trình sau: Gửi công văn (có chữ ký, đóng dấu của đơn vị) nêu rõ nội dung cần kiến nghị về Email và địa chỉ Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật như sau: + Người có thẩm quyền: Ông Nguyễn Minh Tuấn, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật + Địa chỉ: Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, 167 đường Trung Kính, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội. + Email: vanthu@tsc.pvpower.vn

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu[1] không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy. Đối với gói thầu bảo hiểm, nhà thầu tham dự thầu không được xuất trình giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh do mình phát hành.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh: Không áp dụng

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

4. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.

5. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm[2]

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

---

[1] Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ khoản này.

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo quy định tại Bảng số 01. Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Bảng số 01 (Scan đính kèm)

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	**Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu**	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp dịch vụ phi tư vấn) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	**Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế**	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
3	**Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)(4)**	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 5.870.000.000 VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08
4	**Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự**	Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu Trong đó hợp đồng tương tự là: - Có tính chất tương tự: Dịch vụ Bơm nước, vệ sinh, cung cấp vật tư, thi công sơn bên trong đường ống tuần hoàn nước làm mát Nhà máy công nghiệp có kích thước ngoài đường ống ≥1800 mm; - Có quy mô (giá trị) tối thiểu: 2.150.000.000 VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 05

+ Các dụng cụ, thiết bị điện phải dùng loại ổ cắm 3 chân để đảm bảo an toàn trong quá trình thi công.

- ***Yêu cầu về vật tư sơn, vật liệu bù kim loại***

- Yêu cầu về chứng nhận chất lượng, xuất xứ

+ Đối với sản phẩm nhập khẩu: Cung cấp tài liệu CO, CQ.

+ Đối với sản phẩm sản xuất trong nước: Cung cấp tài liệu chứng minh sản phẩm sản xuất theo tiêu chuẩn của hãng sơn gốc và tài liệu chứng minh có nhà máy sản xuất tại Việt Nam.

- Nhà thầu đề xuất loại sơn Epoxy, thi công được ở độ ẩm >95% của điều kiện môi trường tại NMĐ Vũng Áng 1 vào mùa mưa, yêu cầu về các thông số của loại sơn cần đề xuất phải bằng hoặc tốt hơn (nhà thầu đưa ra tài liệu chứng minh) theo yêu cầu trong bảng sau:

Bảng 01 – Thông số kỹ thuật sơn đề xuất

TT	Chỉ tiêu kỹ thuật, thử nghiệm chính	Tiêu chuẩn thử nghiệm hoặc tương đương	Đơn vị	Yêu cầu của loại sơn đề xuất
1	VOC		g/l	≤30 g/l
2	Hàm lượng chất rắn		%	≥ 98%
3	Lực bám dính trên bề mặt thép	ASTM 4541/ISO 4624	Mpa	≥ 12Mpa
4	Độ bền phun muối	ASTM B117/ ISO 9227	Giờ	Không bị hư hỏng sau ≥ 2160 giờ
5	Độ bền ngâm nước	ASTM D870/ ISO 2812-1	Giờ	Không bị hư hỏng sau ≥ 4000 giờ
6	Kháng mài mòn	ASTM D4060/ ISO 7784-2	mg	Trung bình ≤114 mg bị mòn sau 1000 chu kỳ thử nghiệm tại 1 kg tải
7	Khả năng chịu va đập	ASTM D2794/ ISO 6272	Joules	≥ 18 Joules
8	Độ giãn dài	ASTM D2370/ ISO/R 527	%	≥ 3% của lớp phủ đạt được trước khi bị gãy

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt và thiết bị chủ yếu:

a) Nhân sự chủ chốt:

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt(1)

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/trình độ chuyên môn(2)
1	Chỉ huy trưởng công trường	01 người	- Tối thiểu 5 năm kinh nghiệm và tối thiểu 02 Hợp đồng bảo dưỡng sửa chữa thiết bị công nghiệp là chỉ huy trưởng công trường	Đại học, hoặc đại học trở lên chuyên ngành kỹ thuật, chứng chỉ ATVSLĐ
2	Giám sát thi công sơn	01 người	Tối thiểu 3 năm kinh nghiệm và tối thiểu 2 hợp đồng bảo dưỡng sửa chữa thiết bị công nghiệp là Giám sát thi công sơn	Đại học chuyên ngành kỹ thuật. Có chứng chỉ ATVSLĐ. Có chứng chỉ của 1 trong các tổ chức NACE/ SSPC/ AMPP/ PROSIO
3	Giám sát an toàn	02 người	Tối thiểu 2 năm kinh nghiệm và tối thiểu 2 hợp đồng bảo dưỡng sửa chữa thiết bị công nghiệp là Giám sát an toàn	Có các chứng chỉ ATLĐ liên quan.
4	Thợ sơn	02 người	Tối thiểu 2 năm kinh nghiệm và tối thiểu 2 hợp đồng bảo dưỡng sửa chữa thiết bị công nghiệp là Thợ sơn	Có chứng chỉ/chứng nhận thợ sơn. Có chứng chỉ ATVSLĐ.

b) Thiết bị chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu:

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các thiết bị chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 06D Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị chủ yếu

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1	Máy đo nồng độ đa khí CO, H2S, O2, LEL	1 cái
2	Máy đo độ dày lớp sơn khô dải đo từ 0 – 1000 µm	1 cái
3	Palang (≥ 2 tấn)	4 cái

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
4	Máy bơm nước áp lực cao, tối thiểu ≥ 500 bar	2 cái
5	Máy phun sơn, lưu lượng tối thiểu 5l/phút	2 cái

c) Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu, nhà thầu bị phạt Hợp đồng.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt :

Nội dung đánh giá		Đánh giá	Tài liệu cung cấp
1. Phạm vi, khối lượng công việc			
Phạm vi công việc	Chào đầy đủ theo Phụ lục 1	Đạt	
	Không đầy đủ theo Phụ lục 1	Không đạt	
2. Thời gian thực hiện gói thầu			
Thời gian thực hiện hợp đồng	≤ 30 ngày	Đạt	Bản cam kết
	> 30 ngày	Không đạt	
3. Yêu cầu về biện pháp thực hiện			
Yêu cầu về giải pháp kỹ thuật/ biện pháp quản lý chất lượng	Cung cấp đầy đủ yêu cầu tại Phần 2, Chương V, Mục 3, Điểm b	Đạt	
	Không cung cấp đầy đủ	Không đạt	
Công tác thực hiện	Cung cấp đầy đủ theo yêu cầu HSMT tại Chương V, Mục 3, Điểm c	Đạt	
	Không cung cấp đầy đủ	Không đạt	
Biện pháp tổ chức nghiệm thu các giai đoạn thực hiện và nghiệm thu tổng thể	Cam kết thực hiện đầy đủ theo Phần 2, Chương V, Mục 3, Điểm d	Đạt	
	Không có cam kết	Không đạt	
4. Bảo hành			
Thời gian bảo hành	Cam kết đầy đủ theo yêu cầu HSMT tại Chương V, Mục3, Điểm e	Đạt	Bản cam kết
	Không có cam kết	Không đạt	
5. Các cam kết			
Các cam kết trách nhiệm thực hiện hợp đồng	Có cam kết đáp ứng yêu cầu tại Phần 2, chương V, mục 3	Đạt	Bản cam kết
	Không có hoặc có cam kết nhưng không đáp ứng yêu cầu tại Phần 2, chương V, mục 3	Không đạt	

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

4.1. Phương pháp giá thấp nhất[1]:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

---

[1] Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ Khoản 4.2. Phương pháp giá đánh giá.

Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

STT	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01A. Phạm vi cung cấp (áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói)	**Scan đính kèm lên Hệ thống**	X	
2	Mẫu số 02. Đơn dự thầu			X
3	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh			X
4	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu *(áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập)*	**Scan đính kèm lên Hệ thống hoặc bảo lãnh điện tử**		X
5	Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu *(áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh)*			X
6	Mẫu số 05. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện	**Scan đính kèm lên Hệ thống**		X
7	Mẫu số 06A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt			X
8	Mẫu số 06B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt			X
9	Mẫu số 06C. Bảng kinh nghiệm chuyên môn			X
10	Mẫu số 06D. Bảng kê khai thiết bị chủ yếu			X
11	Mẫu số 07. Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ			X
12	Mẫu số 08. Tình hình tài chính của nhà thầu			X
13	Mẫu số 09A. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ			X
14	Mẫu số 09B. Danh sách các công ty con, công ty thành viên đảm nhận phần công việc của gói thầu			X
15	Mẫu số 10A. Bảng tiến độ thực hiện (áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói).			X
16	Mẫu số 11A. Bảng giá dự thầu (áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói)			X
16	Mẫu số 12. Bảng kê khai dịch vụ được hưởng ưu đãi			X
17	Mẫu số 13. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng			X

18	Mẫu số 14A. Hợp đồng dịch vụ		**X**	
19	Mẫu số 15. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng			**X**
20	Mẫu số 16. Bảo lãnh tiền tạm ứng			**X**
21	Mẫu số 17. Giấy Ủy quyền			**X**

Mẫu số 01A(Scan đính kèm)

PHẠM VI CUNG CẤP

(áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói)

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các dịch vụ yêu cầu, mô tả ngắn gọn dịch vụ theo Bảng sau:

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ(*)	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Dịch vụ vệ sinh, kiểm tra, đánh giá hư hỏng đường ống nước làm mát Bình ngưng tổ máy 1 năm 2026 (đoạn ống từ nhà bơn đến bình ngưng) bao gồm: - Bơm nước và làm sạch đường ống; - Chi phí máy móc, nhân lực thực hiện kiểm tra, đánh giá; - Chi phí vận chuyển.	Theo quy định tại Chương V	01	Gói	Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1, xóm Hải Phong, phường Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh	24 ngày (dự kiến tháng 8/2026)
2	Dịch vụ khắc phục nếu phát hiện sơn đường ống hư hỏng (Bao gồm đường ống Ø3500 và đường ống Ø1800 trước, sau bình ngưng)	Theo quy định tại Chương V	1.397	M2	Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1, xóm Hải Phong, phường Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh	30 ngày (dự kiến tháng 8/2026)
3	Dịch vụ vệ sinh bên trong đoạn ống nước làm mất hở (kích thước Ø800 và Ø700) đến trước bộ Strainer	Theo quy định tại Chương V	01	Gói	Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1, xóm Hải Phong, phường Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh	30 ngày (dự kiến tháng 8/2026)

Mẫu số 02 (Scan đính kèm)

ĐƠN DỰ THẦU [1]

Ngày:___ *[Ngày tháng năm ký đơn dự thầu]*

Tên gói thầu: ___ *[Tên gói thầu theo thông báo mời thầu]*

Kính gửi: ___ *[Tên chính xác của Chủ đầu tư]*

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ___ *[Tên nhà thầu], Mã số thuế*_____ , *[Hệ thống tự động trích xuất]* cam kết thực hiện gói thầu_____ *[Tên gói thầu]* số E-TBMT:_____ *[Số TBMT trên hệ thống]* theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là _____ *[Giá trị bằng số, chữ và đồng tiền dự thầu]* cùng với các bảng giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là_____ *[Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có].*

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: _____ *[Ghi rõ giá dự thầu sau khi giảm giá]* (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSDT:___*Ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu*

Bảo đảm dự thầu*:_____*[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu]*

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu[2]:_____ *[ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu]*

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh);

2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;

3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

---

* Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ nội dung về giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu.

6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này;

7. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu(3);

8. Những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực;

9. Trường hợp trúng thầu, E-HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết;

10. Nếu E-HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 E-CDNT của E-HSMT;

11. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu(4);

12. Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư quy định tại Mục 18.5 E-CDNT; trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, không nộp tiền mặt, Séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày chủ đầu tư công khai tên chúng tôi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ trường hợp bất khả kháng.(5)

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT.

(2) Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì không áp dụng nội dung này.

(3) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

(4) Đối với gói thầu áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh.

(5) Trường hợp gói thầu áp dụng đấu thầu trước, nhà thầu không phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu thì sửa khoản này như sau: "Trường hợp chúng tôi có các hành vi sau đây thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, bị nêu tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày chủ đầu tư công khai tên chúng tôi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ trường hợp bất khả kháng, gồm:

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;

- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng.

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Mẫu số 03 (Scan đính kèm)

THỎA THUẬN LIÊN DANH[1]

Ngày:___

Gói thầu: ___ *[Tên gói thầu theo TBMT]*

Thuộc dự án/ dự toán mua sắm: ____ *[Tên dự án, dự toán theo TBMT]*

Căn cứ [2]___

Căn cứ[2]___

Căn cứ E-HSMT Gói thầu: _____ *Ghi tên gói thầu]* với số E-TBMT:__ *[Theo số TBMT trên hệ thống]*

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất:____ *[Tên thành viên liên danh]*

Mã số thuế: ___ *[MST thành viên liên danh];*

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai:____ *[Tên thành viên liên danh]*

Mã số thuế: ___

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ n:____ *[Tên thành viên liên danh]*

Mã số thuế: ___

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu____ *[Tên gói thầu]* thuộc dự án/ dự toán mua sắm ____ *[Tên dự án, dự toán]*.

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: ____ *[ghi tên của liên danh]*.

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;

- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;

- Hình thức xử lý khác ____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ *[Tên gói thầu]* thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ *[Tên dự án, dự toán]* đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công ____ *[Hệ thống tự động trích xuất thành viên lập liên danh]* làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau(3):

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả liên danh.

[-Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;

- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây (4):

STT	Tên các thành viên trong liên danh	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- ___ - ___	- ___% - ___%
2	Tên thành viên thứ 2	- ___ - ___	- ___% - ___%
....	....	....	.....
Tổng cộng		**Toàn bộ công việc của gói thầu**	**100%**

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu _____ *[Tên gói thầu]* thuộc dự án/ dự toán mua sắm _____ *[Tên dự án, dự toán]* theo thông báo của Chủ đầu tư

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ tên, số hiệu của các phần mà nhà thầu liên danh tham dự thầu, trong đó nêu rõ trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh đối với phần tham dự thầu.

(2) Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự

thầu theo Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E hoặc 11G) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

Mẫu số 04A (Scan đính kèm)

BẢO LÃNH DỰ THẦU[1]

(áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập)

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh): ___ *[ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL]*

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ *[ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___ *[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]*

Bên bảo lãnh: ___ *[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là_____ *[ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là "Nhà thầu") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu_____ *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án/dự toán mua sắm _____ *[ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* theo Thư mời thầu/E-TBMT số____ *[ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu bằng một khoản tiền là____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong___[2] ngày, kể từ ngày____ tháng___ năm___[3].

Theo yêu cầu của nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết[4] sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu hoặc 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 E-BDL.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

Mẫu số 04B (Scan đính kèm)

BẢO LÃNH DỰ THẦU[1]

(áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh)

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh):___ *[ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL]*

Ngày phát hành bảo lãnh:___ *[ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

BẢO LÃNH DỰ THẦU số:___ *[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]*

Bên bảo lãnh:___*[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là____ *[ghi tên nhà thầu]*[2] (sau đây gọi là "Nhà thầu") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu____ *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ *[ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* theo Thư mời thầu/E-TBMT số____ *[ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong___[3] ngày, kể từ ngày____tháng___ năm___[4].

Theo yêu cầu của nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết[5] sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là___ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ

đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng;

7. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh ____ *[ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh]* vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 E-CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Trường hợp nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là "Nhà thầu liên danh A + B";

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thoả thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là "nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B +C)", trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là "Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B + C)";

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu;

- Trường hợp trong thỏa thuận liên danh không phân công cụ thể trách nhiệm thực hiện bảo đảm dự thầu của các thành viên trong liên danh nhưng tổng giá trị bảo đảm dự thầu của các thành viên liên danh đã thực hiện, đính kèm trong E-HSDT đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì vẫn được đánh giá là đáp ứng về giá trị bảo đảm dự thầu.

(3) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 E-BDL.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

Mẫu số 05 (Scan đính kèm)

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN [1]

Tên nhà thầu: _____*[ghi tên đầy đủ của nhà thầu].*

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	*[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]*		
Ngày ký hợp đồng	*[ghi ngày, tháng, năm]*		
Ngày hoàn thành	*[ghi ngày, tháng, năm]*		
Giá hợp đồng[3]	*[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]*		Tương đương _____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	*[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]*	*[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]*	Tương đương ___ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	*[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]*		
Tên Chủ đầu tư:	*[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]*		
Địa chỉ: Điện thoại/fax: E-mail:	*[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]* *[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]* *[ghi địa chỉ e-mail]*		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III[2]			
1. Loại dịch vụ	*[ghi thông tin phù hợp]*		
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện[3]	*[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]*		
3. Quy mô thực hiện	*[ghi quy mô theo hợp đồng]*		
4. Các đặc tính khác	*[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]*		

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương III để làm cơ sở đánh giá.

Mẫu số 06A (Scan đính kèm)

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự chủ chốt này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều gói thầu trong cùng khoảng thời gian và nhân sự của nhà thầu đề xuất cho các gói thầu này trùng nhau thì E-HSDT của nhà thầu vẫn được xem xét, đánh giá. Tuy nhiên, nếu nhà thầu được xếp hạng thứ nhất ở nhiều gói thầu và thời gian huy động nhân sự để thực hiện các gói thầu này là trùng lặp, không bảo đảm huy động được đầy đủ nhân sự theo đúng tiến độ, yêu cầu của gói thầu nhà thầu được lựa chọn một trong các gói thầu mà nhà thầu xếp hạng thứ nhất.

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1	*[Nhà thầu chọn nhân sự chủ chốt từ cơ sở dữ liệu của mình trên Hệ thống]*	*[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]*
2		
...		

Mẫu số 06B (Scan đính kèm)

BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Thông tin nhân sự						Công việc hiện tại					
Stt	**Tên**	**Căn cước công dân/Hộ chiếu**	**Vị trí**	**Ngày, tháng, năm sinh**	**Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn**	**Tên người sử dụng lao động**	**Địa chỉ của người sử dụng lao động**	**Chức danh**	**Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại**	**Người liên lạc (trưởng phòng/cán bộ phụ trách nhân sự)**	**Điện thoại/ Fax/ Email**
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
…											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bằng, chứng chỉ có liên quan, kinh nghiệm chuyên môn được kê khai tại Mẫu 06C Chương IV) trong quá trình đối chiếu tài liệu.

Mẫu số 06C (Scan đính kèm)

BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN[1]

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/Chức vụ/Hợp đồng/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]	...	...	...
2				
...	...			

Ghi chú:

(1) Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp hoặc không liên quan với công việc đang yêu cầu.

Mẫu số 06D (Scan đính kèm)

BẢNG KÊ KHAI THIẾT BỊ CHỦ YẾU

Nhà thầu phải kê khai những thiết bị chủ yếu theo quy định tại điểm b Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các thiết bị này để tham gia thực hiện gói thầu. Thiết bị chủ yếu có thể thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị chủ yếu mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu, Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng thiết bị chủ yếu trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị chủ yếu thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai thiết bị chủ yếu không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều gói thầu trong cùng khoảng thời gian và thiết bị của nhà thầu đề xuất cho các gói thầu này trùng nhau thì E-HSDT của nhà thầu vẫn được xem xét, đánh giá. Tuy nhiên, nếu nhà thầu được xếp hạng thứ nhất ở nhiều gói thầu và thời gian huy động thiết bị để thực hiện các gói thầu này là trùng lặp, không bảo đảm huy động được đầy đủ thiết bị theo đúng tiến độ, yêu cầu của gói thầu thì nhà thầu được lựa chọn một trong các gói thầu mà nhà thầu xếp hạng thứ nhất.

Loại thiết bị		
Thông tin thiết bị	Tên nhà sản xuất	Đời máy (model)
	Công suất (*)	Năm sản xuất (*)
	Tính năng	Xuất xứ Số đăng ký/đăng kiểm (nếu có)
Hiện trạng	Địa điểm hiện tại của thiết bị	
	Thông tin về tình hình huy động, sử dụng thiết bị hiện tại	
Nguồn	Nêu rõ nguồn thiết bị ☐ Sở hữu của nhà thầu ☐ Đi thuê ☐ Cho thuê ☐ Chế tạo đặc biệt	

Đối với các thiết bị không thuộc sở hữu của mình thì nhà thầu phải kê khai thêm các thông tin dưới đây:

Chủ sở hữu	Tên chủ sở hữu
	Địa chỉ chủ sở hữu

	Số điện thoại	Tên và chức danh
	Số fax	Telex
Thông tin chi tiết về thỏa thuận thuê/cho thuê/chế tạo thiết bị cụ thể cho dự án		

Mẫu số 07 (Scan đính kèm)

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ[(1)]

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có):_____

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại khoản 2.1 Mục 2 Chương III			
☐ Không có hoặc có 01 hợp đồng (cung cấp dịch vụ phi tư vấn) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm__ *[ghi năm]* theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III. ☐ Có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp dịch vụ phi tư vấn) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm___ *[ghi năm]* theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.			
Năm	**Phần việc hợp đồng không hoàn thành**	**Mô tả hợp đồng**	**Tổng giá trị hợp đồng** (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng:_____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ. Trường hợp Chủ đầu tư, tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

Mẫu số 08 (Scan đính kèm)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU[1]

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có):_____

	Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ___ tháng ___ đến ngày ___ tháng ____ ***(nhà thầu điền nội dung này)***		
	Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của E-HSMT ***(Hệ thống tự động trích xuất trên cơ sở năm tài chính của nhà thầu)***		
	Năm 1:	**Năm 2:**	**Năm 3:**
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)[2]	*(Hệ thống tự động tính)*		
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của E-HSMT/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được trích xuất từ hồ sơ năng lực của nhà thầu. Trường hợp nhà thầu nhận thấy doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) trong hồ sơ năng lực của nhà thầu chưa được Hệ thống cập nhật từ Hệ thống thuế điện tử và Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì nhà thầu tự cập nhật thông tin về doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) vào hồ sơ năng lực để tham dự thầu nhưng bảo đảm phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu các thông tin mà nhà thầu kê khai trong quá trình đối chiếu tài liệu như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;

- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;

- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;

- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;

- Báo cáo kiểm toán (nếu có);

- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

Mẫu số 09A (Scan đính kèm)

PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ[1]

STT	Tên nhà thầu phụ[2]	Phạm vi công việc[3]	Khối lượng công việc[4]	Giá trị % ước tính[5]	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ[6]
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp E-HSMT có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này. Đối với gói thầu của dự án thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tổ chức đấu thầu trong nước, nhà thầu trong nước được sử dụng nhà thầu phụ là nhà thầu nước ngoài đối với phần công việc đặc thù mà nhà thầu trong nước chưa thực hiện được hoặc cần chuyển giao công nghệ.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột "Phạm vi công việc". Nếu nhà thầu trúng thầu thì khi huy động nhà thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSDT; trường hợp chưa xác định được tên nhà thầu phụ thì để trống cột này.

Mẫu số 09B (Scan đính kèm)

DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU[1]

STT	Tên công ty con, công ty thành viên[2]	Công việc đảm nhận trong gói thầu[3]	Giá trị % so với giá dự thầu[4]	Ghi chú
1				
2				
...				

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại Mẫu này. Việc đánh giá kinh nghiệm của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

Mẫu số 10A (Scan đính kèm)

BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

(áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói)

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ do nhà thầu đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Dịch vụ vệ sinh, kiểm tra, đánh giá hư hỏng đường ống nước làm mát Bình ngưng tổ máy 1 năm 2026 bao gồm: - Bơm nước và làm sạch đường ống; - Chi phí máy móc, nhân lực thực hiện kiểm tra, đánh giá; - Chi phí vận chuyển.	Đường ống từ nhà bơm đến bình ngưng Ø3500 và đường ống Ø1800 trước, sau bình ngưng	01	Gói	Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1, xóm Hải Phong, phường Vũng Áng		

2	Khắc phục nếu phát hiện sơn đường ống hư hỏng	Đường ống từ nhà bơm đến bình ngưng Ø3500 và đường ống Ø1800 trước, sau bình ngưng	1.397	M2	Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1, xóm Hải Phong, phường Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh		
3	Vệ sinh bên trong đoạn ống nước làm mát hở (kích thước Ø 800 và Ø 700) đến trước bộ Strainer	Chiều dài 85 m	01	Gói	Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1, xóm Hải Phong, phường Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh		

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (7): Theo Mẫu E-HSDT
- Cột (8): Nhà thầu điền

Mẫu số 11A (Scan đính kèm)

BẢNG GIÁ DỰ THẦU

(áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói)

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(6)
1	Dịch vụ vệ sinh, kiểm tra, đánh giá hư hỏng đường ống nước làm mát Bình ngưng tổ máy 1 năm 2026 bao gồm: - Bơm nước và làm sạch đường ống; - Chi phí máy móc, nhân lực thực hiện kiểm tra, đánh giá; - Chi phí vận chuyển.	Đường ống từ nhà bơm đến bình ngưng Ø3500 và đường ống Ø1800 trước, sau bình ngưng	01	Gói		
2	Khắc phục nếu phát hiện sơn đường ống hư hỏng	Đường ống từ nhà bơm đến bình ngưng Ø3500 và đường ống Ø1800 trước, sau bình ngưng	1.397	M2		

3	Vệ sinh bên trong đoạn ống nước làm mát hở (kích thước Ø 800 và Ø 700) đến trước bộ Strainer	Chiều dài 85 m	01	Gói		
<u>Tổng cộng:.....</u> (Giá dự thầu đã bao gồm thuế GTGT 10%)						

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (5): Theo Mẫu E-HSMT

- Cột (6): Nhà thầu điền đơn giá cho tất cả các hạng mục công việc. Đơn giá nhà thầu chào bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí, chi phí dự phòng (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

- Cột (7): Nhà thầu điền.

Mẫu số 12 (Scan đính kèm)

BẢNG KÊ KHAI DỊCH VỤ ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI

Nhà thầu chỉ được hưởng ưu đãi đối với các nội dung mà nhà thầu kê khai theo bảng dưới đây. Trường hợp nhà thầu không tích chọn thì không được hưởng ưu đãi về nội dung này.

Nội dung	Có	Không
Nhà thầu là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo(1)	□	□
Dịch vụ là sản phẩm đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP mà sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường trong 6 năm gần đây(2)	□	□

Ghi chú:

(1), (2): Nhà thầu đánh dấu vào ô tương ứng. Trường hợp nhà thầu tích chọn vào "Có" nội dung (1) thì Hệ thống cho phép nhà thầu chọn nội dung (2).

Trường hợp nhà thầu tích chọn "Có" thì nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSDT.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Yêu cầu về kỹ thuật mang tính kỹ thuật thuần túy và các yêu cầu khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ (trừ giá). Yêu cầu về kỹ thuật phải được nêu đầy đủ, rõ ràng và cụ thể để làm cơ sở cho nhà thầu lập E-HSDT.

Trong yêu cầu về kỹ thuật không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

Mục 1: Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu:

- Nội dung dự toán mua sắm: Gói thầu số 14 - Cung cấp dịch vụ kiểm tra, đánh giá, khắc phục sơn đường ống tuần hoàn nước làm mát bình ngưng, nước làm mát hở tổ máy số 1 NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2026.

- Thời gian thực hiện: trong vòng 30 ngày kể từ ngày dừng máy, dự kiến bắt đầu từ tháng 8/2026.

- Địa điểm thực hiện: Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, Xóm Hải Phong, phường Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh

Mục 2. Mục tiêu công việc:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Mô tả
1	Dịch vụ vệ sinh, kiểm tra, đánh giá hư hỏng đường ống nước làm mát Bình ngưng tổ máy 1 năm 2026 bao gồm: - Bơm nước và làm sạch đường ống; - Chi phí máy móc, nhân lực thực hiện kiểm tra, đánh giá; - Chi phí vận chuyển.	Gói	01	Đường ống từ nhà bơm đến bình ngưng Ø3500 và đường ống Ø1800 trước, sau bình ngưng
2	Khắc phục nếu phát hiện sơn đường ống hư hỏng	M2	1.397	Đường ống từ nhà bơm đến bình ngưng Ø3500 và đường ống Ø1800 trước, sau bình ngưng
3	Vệ sinh bên trong đoạn ống nước làm mát hở (kích thước Ø800 và Ø700) đến trước bộ Strainer	Gói	01	Chiều dài 85 m

- Nhà thầu thực hiện đầy đủ các công việc Vệ sinh, kiểm tra và khắc phục sơn hư hỏng đường ống nước tuần hoàn làm mát bình ngưng cho tổ máy số 1 NMĐ Vũng Áng 1 theo quy định tại Phụ lục 1 đính kèm, bao gồm tất cả các công việc liên quan từ khảo sát, lập phương án, lập biện pháp thi công, lập biện pháp kiểm tra/ nghiệm thu, chuẩn bị các điều kiện thực hiện, tiến hành thực hiện công việc, lắp lại theo nguyên trạng ban đầu, chạy thử, nghiệm thu đưa vào sử dụng, bàn giao, bảo hành... đáp ứng đúng theo tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất hoặc các quy trình vận hành bảo dưỡng sửa chữa đã ban hành tại nhà máy và được sự chấp thuận của Chủ đầu tư. Nhà thầu chỉ được phép thực hiện công việc khi có văn bản chấp thuận và giám sát An toàn của Chủ đầu tư.
- Nhà thầu (bằng chi phí của mình) có quyền được đi khảo sát thực tế tại NMĐ Vũng Áng 1 để đánh giá và cập nhật thêm về tình trạng thiết bị và BDSC của nhà sản xuất, vật liệu & các thông số kỹ thuật,… và các thông tin cần thiết khác để phục vụ công tác tháo dỡ lắp đặt phù hợp với yêu cầu thực tế hiện hữu của nhà máy đảm bảo yêu câu kỹ thuật về lắp đặt và vận hành ổn định tổ máy (nếu cần).
- Nhà thầu phải chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng yêu cầu tại Chương III, Mục 2.2 – Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật và có trách nhiệm cung cấp đầy đủ nhân sự thực hiện công việc và đáp ứng tiến độ BDSC theo yêu cầu của Chủ đầu tư. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất, các giấy tờ, hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt. Nhân sự chủ chốt phải được kê khai theo các biểu mẫu quy định tại Mẫu số 06A, 06B, 06C Chương IV - Biểu Mẫu.
- Nhà thầu cung cấp công cụ, dụng cụ, thiết bị thi công, bao gồm nhưng không giới hạn tại Chương III, Mục 2.2 để thực hiện các công việc của gói thầu trên cơ sở biện pháp thi công của nhà thầu.
- Nhà thầu phải cam kết huy động tối thiểu các thiết bị thi công chủ yếu cho gói thầu theo bảng danh mục thiết bị thi công chủ yếu (chi tiết theo tại chương III.). Đối với các thiết bị máy bơm cao áp ≥ 500 bar, các thiết bị nâng hạ như palang, Nhà thầu phải cung cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng còn thời hạn tại thời điểm đóng thầu.
- Tối đa 15 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng, Nhà thầu đệ trình Chủ đầu tư giải pháp kỹ thuật tháo dỡ và lắp đặt chi tiết cho từng hạng mục công việc.
- **Phân chia trách nhiệm**

STT	Nội dung	Bên mời thầu	Nhà thầu	Ghi chú
1	Khảo sát hiện trạng lập biên bản khảo sát		X	

STT	Nội dung	Bên mời thầu	Nhà thầu	Ghi chú
2	Lập biện pháp thi công		X	
4	Lập biện pháp tổ chức thi công, biện pháp kiểm soát chất lượng, quy trình nghiệm thu và phải được chủ đầu tư chấp thuận trước khi thực hiện		X	
5	Lập tiến độ thi công		X	
6	Cung cấp vật tư sơn và vật liệu phụ đúng theo yêu cầu của bên mời thầu		X	
7	Cung cấp máy thi công, công cụ dụng cụ thi công		X	
8	Tổ chức thi công, nghiệm thu, chạy thử, thu dọn mặt bằng		X	
9	Hướng dẫn thủ tục ra vào cổng nhà máy	X		

3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

a. Yêu cầu về máy móc thiết bị

- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm huy động đầy đủ máy móc thiết bị và công cụ dụng cụ để thực hiện phạm vi công việc theo yêu cầu của HSMT.
- Nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động tối thiểu các thiết bị chủ yếu cho gói thầu theo bảng danh mục thiết bị chủ yếu nêu trên. Trường hợp thiết bị thuộc sở hữu của nhà thầu thì phải kèm theo các tài liệu để chứng minh thiết bị thuộc sở hữu của mình. Trường hợp đi thuê thì phải có hợp đồng/cam kết cho thuê thiết bị và tài liệu chứng minh thiết bị thuộc sở hữu của bên cho thuê.

b. Giải pháp kỹ thuật

Yêu cầu về cung cấp vật tư, công cụ dụng cụ

- Căn cứ yêu cầu về khối lượng công việc quy định tại các Phụ lục 1 đính kèm của HSMT, Nhà thầu lập phương án sửa chữa, biện pháp tổ chức thi công, biện pháp kiểm soát chất lượng, có các biểu mẫu đầy đủ, các tiêu chuẩn kiểm tra việc sửa chữa cũng như thiết bị dùng để kiểm tra việc sửa chữa trên.
- Đối với các vật tư phục vụ thi công, Nhà thầu tuân thủ các nội dung sau:

+ Nhà thầu phải cam kết đáp ứng đầy đủ số lượng và đảm bảo chất lượng vật tư mới 100% chưa qua sử dụng để không ảnh hưởng đến tiến độ thi công và chất lượng công trình.

+ Các thiết bị đo, thiết bị nâng, máy bơm cao áp... phải có giấy chứng nhận kiểm định còn hạn sử dụng.

+ Các dụng cụ, thiết bị điện phải dùng loại ổ cắm 3 chân để đảm bảo an toàn trong quá trình thi công.

➢ ***Yêu cầu về vật tư sơn, vật liệu bù kim loại***

- Yêu cầu về chứng nhận chất lượng, xuất xứ

+ Đối với sản phẩm nhập khẩu: Cung cấp tài liệu CO, CQ.

+ Đối với sản phẩm sản xuất trong nước: Cung cấp tài liệu chứng minh sản phẩm sản xuất theo tiêu chuẩn của hãng sơn gốc và tài liệu chứng minh có nhà máy sản xuất tại Việt Nam.

- Nhà thầu đề xuất loại sơn Epoxy, yêu cầu về các thông số của loại sơn cần đề xuất phải bằng hoặc tốt hơn (nhà thầu đưa ra tài liệu chứng minh) theo yêu cầu trong bảng sau:

Bảng 01 – Thông số kỹ thuật sơn đề xuất

TT	Chỉ tiêu kỹ thuật, thử nghiệm chính	Tiêu chuẩn thử nghiệm hoặc tương đương	Đơn vị	Yêu cầu của loại sơn đề xuất
1	VOC		g/l	≤30 g/l
2	Hàm lượng chất rắn		%	≥ 98%
3	Lực bám dính trên bề mặt thép	ASTM 4541/ISO 4624	Mpa	≥ 12Mpa
4	Độ bền phun muối	ASTM D5894/ ISO 11997-2	Giờ	Không bị hư hỏng sau 2160 giờ
5	Độ bền ngâm nước	ASTM D870/ ISO 2812-1	Giờ	Không bị hư hỏng sau 4000 giờ
6	Kháng mài mòn	ASTM D4060/ ISO 7784-2	mg	Trung bình ≤114 mg bị mòn sau 1000 chu kỳ thử nghiệm tại 1 kg tải
7	Khả năng chịu va đập	ASTM D2794/ ISO 6272	Joules	≥ 18 Joules

Đối với vật liệu bù kim loại, nhà thầu đề xuất theo yêu cầu tại bảng sau:

STT	Hàng Hóa	Đặc tính kỹ thuật	Ghi chú
1	Vật liệu bù kim loại Belzona 1111 (Epoxy 2 thành phần), để bù những vị trí ăn mòn kim loại bên trong đường ống, không dung môi, không cháy nổ	Bảng 02	Nhà thầu có thể đề xuất vật liệu có các thông số kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn thông số kỹ thuật theo Bảng 02 và phải chứng minh được

Bảng 02 – Đặc tính kỹ thuật vật liệu bù kim loại Belzona 1111 hoặc tương đương

TT	Chỉ tiêu kỹ thuật, thử nghiệm chính	Tiêu chuẩn thử nghiệm hoặc tương đương	Đơn vị	Yêu cầu của loại vật liệu bù kim loại Belzona 1111
1	Hàm lượng rắn		%	100%
2	VOC		%	≤ 0.1%
3	Độ bám dính	ASTM 4541/ISO 4624	MPa	≥ 20 MPa
4	Độ nén bền tối đa	ASTM D695/ ISO 604	MPa	≥ 80 MPa
5	Độ bền uốn	ASTM D790/ ISO 178	MPa	≥ 60 MPa
6	Độ cứng shore D	ASTM D2240/ ISO 868	MPa	≥ 80 hoặc barcol (ASTM D2583 ≥ 85)

- ***Yêu cầu về giàn giáo thi công***

- Giàn giáo dùng để thi công là hệ giàn giáo ống tuýp mạ kẽm theo tiêu chuẩn BS 1139 hoặc giàn giáo Ringlock, được liên kết với nhau bởi cùm mạ kẽm theo tiêu chuẩn BS 1139, vật tư giàn giáo phải đạt yêu cầu kỹ thuật theo yêu cầu của tiêu chuẩn BS1139;
- Mâm giàn giáo mạ kẽm có lỗ để chống trơn trượt, được kết nối với ống tuýp bằng dây thép;

- Vật tư giàn giáo phải được kiểm tra bởi giám sát để đảm bảo đạt tiêu chuẩn BS1139 trước khi đưa vào sử dụng, nếu không đạt khối lượng giàn giáo sẽ được CĐT yêu cầu loại bỏ;
- Thợ giàn giáo phải được đào tạo lắp đặt giàn giáo và có chứng chỉ lắp đặt giàn giáo.
- Tất cả giàn giáo sau khi lắp đặt phải được kiểm tra bởi giám sát, gắn thẻ xanh trước khi sử dụng;
- Cử nhân sự giám sát, kiểm tra bảo đảm an toàn cho người thi công.

c. Công tác thực hiện

Nhà thầu phải trình bày công tác thực hiện cho các nội dung yêu cầu Phụ lục 1 đảm bảo các yêu cầu:

Yêu cầu về thi công lắp đặt giàn giáo

- Trước khi vào công trường công nhân phải được trang bị đồ bảo hộ lao động theo đúng tiêu chuẩn, tham gia khóa học an toàn lao động;
- Công nhân tham gia thi công lắp đặt giàn giáo phải có chứng chỉ, giấy phép và chịu sự giám sát nghiệm ngặt của nhân viên giám sát, nhân viên an toàn;
- Quá trình lắp đặt giàn giáo phải chịu sự giám sát của nhân viên giám sát, nhân viên an toàn;
- Công việc lắp đặt giàn giáo đảm bảo không ảnh hưởng đến thiết bị đang vận hành;
- Đeo dây an toàn hai móc và móc tại điểm neo phù hợp khi làm việc trên cao;
- Bố trí lưới chống rơi để đảm bảo an toàn cho con người và thiết bị bên dưới khu vực công tác.

Yêu cầu về vệ sinh bề mặt

- Bề mặt bên trong lòng ống sẽ được rửa sạch bằng nước cao áp (>500 bar) và vệ sinh sạch sẽ;
- Trước khi xử lý bề mặt, các chất nền (bụi bẩn, dầu mỡ, hàu bám dính,…) phải được tẩy sạch;
- Sử dụng các thiết bị cầm tay (giấy nhám, máy mài…) để loại bỏ gỉ sét, lớp sơn cũ, cần chú ý đến những vị trí khó tiếp cận như: góc, cạnh điểm tiếp xúc 2 chi tiết, 2 mối hàn;
- Bắn hạt mài hoặc sử dụng thiệt bị cầm tay làm sạch bề mặt tại các vị trí hư hỏng sơn;
- Bề mặt sau khi xử lý phải được kiểm tra đạt Sa 2.5 với các vị trí bắn cát/hạt mài, St 2.0 với các vị trí vệ sinh bằng tay, theo tiêu chuẩn ISO 8501:2007, độ nhám tối thiểu 50 microns;
- Nồng độ muối cho phép là 50 mg/m2;

- Bề mặt phải khô ráo, không bám dầu, mỡ, rỉ sắt, bụi bẩn, vảy hoặc bất kỳ vật gì khác.

Yêu cầu về công tác bù vật liệu

- Trước khi trét bù vật liệu, phải kiểm tra điều kiện môi trường: nhiệt độ, độ ẩm, điểm sương,… phù hợp với đặc tính kỹ thuật của từng loại vật liệu phủ, công việc này phải được tiến hành trong suốt quá trình phủ;
- Tỷ lệ pha trộn phải đảm bảo theo yêu cầu của nhà sản xuất;
- Những điểm bị ăn mòn cục bộ sẽ được đắp bù 1 lớp vật liệu bù kim loại (Epoxy 2 thành phần);

Yêu cầu về công tác sơn

- Các vị trí thi công phải được che chắn;
- Trước khi sơn phải kiểm tra điều kiện môi trường: nhiệt độ, độ ẩm, điểm sương… phù hợp với đặc tính kỹ thuật của từng loại vật liệu phủ, công việc này phải được tiến hành trong suốt quá trình phủ;
- Tỷ lệ pha trộn phải đảm bảo theo yêu cầu của nhà sản xuất;
- Sử dụng máy phun chân không, cọ, bàn chải để phủ những vị trí khó tiệp cận như: góc, cạnh, mối hàn, điểm tiếp xúc giữa hai chi tiết;
- Sử dụng các thiết bị, dụng cụ hỗ trợ tiếp cận nơi làm việc trên cao như thang, giàn giáo…;
- Đeo dây an toàn hai móc và móc tại điểm neo phù hợp khi làm việc trên cao;
- Trước khi phủ phải đảm bảo bề mặt cấu kiện sạch sẽ, khô ráo;
- Sơn tối thiểu 2 lớp sơn Epoxy độ bám dính cao với độ dày sau khi sơn khô là ≥600 microns;
- Kiểm tra đảm bảo độ dày khô của mỗi lớp sơn. Giá trị đo độ dày khô DFT của mỗi điểm không được < 80% so với độ dày quy định. Số liệu trung bình trên mỗi m2 không được nhỏ hơn độ dày khô quy định. Tối thiểu 80% của tất cả các số liệu trên mỗi m2 phải lớn hơn độ dày quy định;
- Thường xuyên kiểm tra trong quá trình sơn phủ để phát hiện và xử lý các khuyết tật như: lỗ khí, màng sơn bong tróc…

d. Quy định về nghiệm thu

Nhà thầu phải đưa ra phương án chi tiết về trình tự nghiệm thu:

- Các biểu mẫu phải thể hiện đầy đủ theo yêu cầu kỹ thuật phù hợp với các bước nghiệm thu của từng hạng mục công việc đã nêu ở mục 3, điểm c.
- Đối với công tác vệ sinh làm sạch đường ống: Bằng mắt thường bảo đảm bề mặt đường ống khô ráo, sạch sẽ bùn đất, thủy sinh vật.
- Đối với công tác sơn đường ống:

+ Đảm bảo bề mặt trước khi sơn đạt Sa 2.5 với các vị trí bắn cát/hạt mài, St 2.0 với các vị trí vệ sinh bằng tay, theo tiêu chuẩn ISO 8501:2007, độ nhám tối thiểu 50 microns;
+ Đảm bảo điều kiện trước khi sơn là nhiệt độ, độ ẩm, điểm sương, nồng độ muối, bề mặt. Kiểm tra đảm bảo chiều dày khô mỗi lớp sơn.

- Các biểu mẫu nghiệm thu sẽ được hai bên thống nhất.

e. Bảo hành

i. Thời gian bảo hành

- Nhà thầu có tránh nhiệm bảo hành miễn phí toàn bộ hạng mục sơn công trình trong thời gian 05 năm kể từ ngày bàn giao đưa công trình vào sử dụng.

ii. Biện pháp tổ chức thực hiện công tác bảo hành

- Thời gian bắt đầu tiến hành sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, sai sót chậm nhất sau 02 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư
- Trong thời gian bảo hành có bất kỳ khiếm khuyết nào nhà thầu phải sửa chữa lại đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo hợp đồng.
- Trong trường hợp nhà thầu không thực hiện trách nhiệm bảo hành, Chủ đầu tư buộc phải sửa chữa xử lý thì nhà thầu phải chịu chi phí sửa chữa đó, kể cả chi phí đó vượt giá trị bảo lãnh bảo hành.

f. Cam kết trách nhiệm thực hiện Hợp đồng

- Cam kết đảm bảo các thông số kỹ thuật sau khi phục hồi đạt các tiêu chuẩn nghiệm thu theo yêu cầu đã nêu ở Chương V, mục 3, điểm b., theo tiêu chuẩn của OEM hoặc tương đương và phù hợp với điều kiện vận hành của thiết bị.
- Cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về bảo hành đáp ứng theo yêu cầu tại Chương V, Mục 3, điểm e ;

Nhà thầu cam kết tối đa 20 ngày sau khi ký hợp đồng nhà thầu phải trình đầy đủ biện pháp thi công, các biểu mẫu ITP đầy đủ theo yêu cầu kỹ thuật của từng vật tư/thiết bị và chỉ rõ các điểm nghiệm thu chuyển bước để chủ đầu tư xem xét và thông qua.

Nhà thầu cam kết đảm bảo tiến độ thi công phù hợp theo yêu cầu thời gian thực hiện của gói thầu.

Nhà thầu phải cam kết nếu trúng thầu sẽ huy động số lượng nhân công kỹ thuật trực tiếp thực hiện gói thầu phù hợp với tiến độ thi công và đáp ứng yêu cầu của gói thầu.

Nếu trúng thầu, Nhà thầu cam kết:

i) Không được thay đổi nhân sự chủ chốt (chỉ huy trưởng công trường, cán bộ giám sát kỹ thuật, tổ trưởng chuyên môn) trừ những trường hợp ốm đau,

mất khả năng lao động,...

ii) Chỉ được phép thay đổi tối đa 30% trên tổng số lượng nhân sự đã đề xuất trong HSDT/nhân sự đề xuất huy động cho gói thầu, nhân sự Nhà thầu đề xuất thay đổi phải có trình độ/năng lực tối thiểu bằng hoặc lớn hơn nhân sự bị thay đổi. Trong trường hợp thay đổi Nhà thầu đề xuất thay đổi nhân sự bằng văn bản (kèm theo hồ sơ năng lực, các chứng chỉ liên quan đến nhân sự mới tương ứng với vị trí nhân sự thay đổi) gửi Bên mời thầu xem xét chấp thuận thông qua, muộn nhất 15 ngày trước khi thi công, Nhà thầu chỉ được thay thế nhân sự chủ chốt sau khi được Chủ đầu tư chấp thuận.

Trường hợp Nhà thầu vi phạm cam kết này, Nhà thầu đồng ý chịu phạt trách nhiệm với mức phạt:

+ Vượt quá tỷ lệ 30%: Mức phạt 10.000.000 VNĐ/người/lần/vị trí công tác (mười triệu VNĐ/người/lần/vị trí công tác);
+ Thay đổi nhân sự lần thứ 2 cho 1 vị trí: 15.000.000 VNĐ/người/lần/vị trí công tác (mười lăm triệu VNĐ/người/lần/vị trí công tác).

Cam kết ngay trong vòng 20 ngày sau khi ký hợp đồng nhà thầu phải trình đầy đủ biện pháp thi công, Hồ sơ An toàn Sức khỏe Môi trường (Hồ sơ ATSKMT), các biểu mẫu ITP đầy đủ theo yêu cầu kỹ thuật của từng vật tư/thiết bị và chỉ rõ các điểm nghiệm thu chuyển bước...đáp ứng theo các yêu cầu của Chủ đầu tư/tài liệu OEM, phù hợp các tiêu chuẩn, quy chuẩn có liên quan đáp ứng theo yêu cầu tại Chương V, mục 3 và trình Chủ đầu tư. Trường hợp trong vòng 20 ngày kể từ khi ký Hợp đồng mà Nhà thầu chưa trình sau khi ký hợp đồng nhà thầu phải trình đầy đủ biện pháp thi công, Hồ sơ An toàn Sức khỏe Môi trường (Hồ sơ ATSKMT), các biểu mẫu ITP đầy đủ theo yêu cầu kỹ thuật của từng vật tư/thiết bị và chỉ rõ các điểm nghiệm thu chuyển bước, cho Chủ đầu tư, Nhà thầu bằng năng lực/trách nhiệm của mình sẽ hoàn thành đầy đủ theo quy định và Nhà thầu đồng ý chịu phạt trách nhiệm cho việc chậm trễ này, cụ thể:

+ Từ ngày thứ 21 đến ngày thứ 27 kể từ ngày ký Hợp đồng: 50.000.000 VNĐ (Năm mươi triệu VNĐ);
+ Từ ngày thứ 28 đến ngày 35 kể từ ngày ký Hợp đồng: 100.000.000 VNĐ (Một trăm triệu VNĐ);
+ Từ ngày thứ 36 kể từ ngày ký Hợp đồng: 150.000.000 VNĐ (Một trăm năm mươi triệu VNĐ).

CÁC BẢN VẼ, TÀI LIỆU THAM KHẢO

STT	Ký hiệu	Tên bản vẽ	Ghi chú
1	VA1-THK-00PAB-C-M4A-DAL-0001	Main Cooling Water System General Layout Plan Main Supply Pipe	
2	VA1-THK-00PAB-M-M4A-DAL-0021	Main Cooling Water System Bifurcation General Layout Plan and Pipe Spool Details"	

Phụ lục 1: Phạm vi công việc

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Mô tả
1	Dịch vụ vệ sinh, kiểm tra, đánh giá hư hỏng đường ống nước làm mát Bình ngưng tổ máy 1 năm 2026 bao gồm: - Bơm nước và làm sạch đường ống; - Chi phí máy móc, nhân lực thực hiện kiểm tra, đánh giá; - Chi phí vận chuyển.	Gói	01	Đường ống từ nhà bơm đến bình ngưng Ø3500 và đường ống Ø1800 trước, sau bình ngưng
2	Khắc phục nếu phát hiện sơn đường ống hư hỏng	M2	1.397	Đường ống từ nhà bơm đến bình ngưng Ø3500 và đường ống Ø1800 trước, sau bình ngưng
3	Vệ sinh bên trong đoạn ống nước làm mát hở (kích thước Ø 800 và Ø 700) đến trước bộ Strainer	Gói	01	Chiều dài 85 m

Các hạng mục công việc thực hiện

a. Vệ sinh, kiểm tra đường ống nước tuần hoàn làm mát bình ngưng
- Tháo 4 manhole của đường ống Ø3500 và 8 manhole của đường ống Ø1800
- Thông gió, chiếu sáng;
- Bắc giáo để tiếp cận đường ống;
- Rửa sạch bề mặt bên trong đường ống bằng nước cao áp tối thiểu 500 bar;
- Thu dọn sạch sẽ bùn đất, thủy sinh vật trong lòng ống;
- Đóng bao, vận chuyển chất thải tại bãi tập kết rác thải quy định của Nhà máy;
- Kiểm tra bằng mắt bề mặt bên trong đường ống sạch sẽ bùn đất, thủy sinh vật.

b. Sơn khắc phục hư hỏng
- Đánh dấu vị trí và thống kê sơ bộ diện tích sơ hư hỏng;
- Làm sạch bề mặt đường ống tại các vị trí đánh dấu, tối thiểu Sa 2.5;
- Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải khi làm sạch bề mặt theo quy định của pháp luật;

- Xử lý các điểm ăn mòn cục bộ bằng cách đắp lớp vật liệu bù kim loại (nếu có);
- Nghiệm thu bề mặt ống trước khi chuyển bước sơn;
- Kiểm tra điều kiện môi trường: nhiệt độ, độ ẩm, điểm sương... phù hợp với đặc tính kỹ thuật của sơn trước khi sơn;
- Sơn phủ tối thiểu 2 lớp tại các vị trí đã đánh dấu;
- Kiểm tra thường xuyên trong quá trình sơn phủ để phát hiện và xử lý các khuyết tật như: lỗ khí, màng sơn bong tróc…
- Kiểm tra, nghiệm thu hoàn thiện sơn;
- Đóng nắp tất cả các Manhole tháo ra. Cung cấp vật tư gioăng cao su cho các manhole. Cung cấp bulong M39x150, số lượng ≤ 10 bộ, nếu hư hỏng;
- Vệ sinh mặt bằng, nghiệm thu tổng thể.

4. Giải pháp và phương pháp luận:

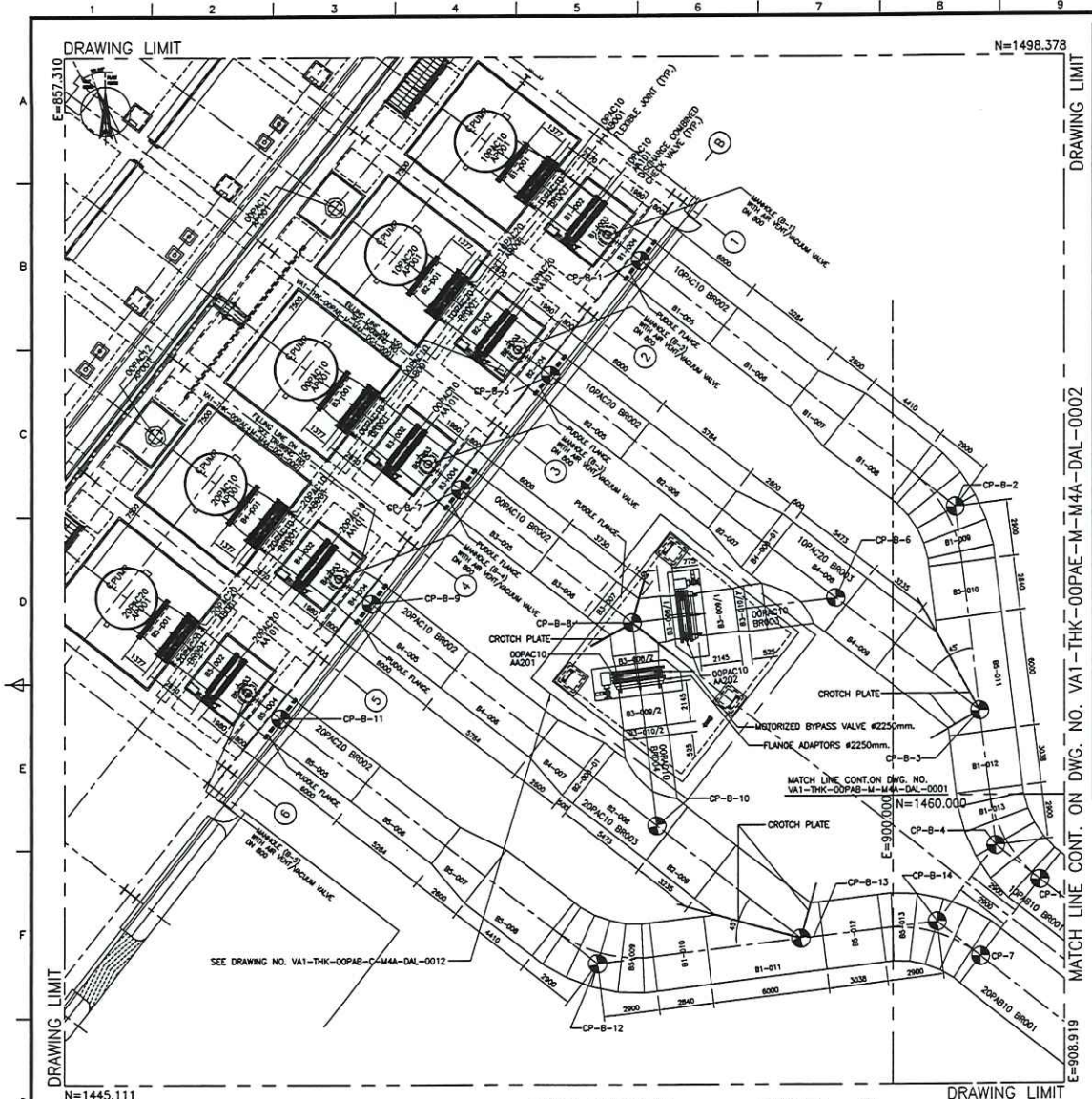
Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương này, gồm các phần như sau:

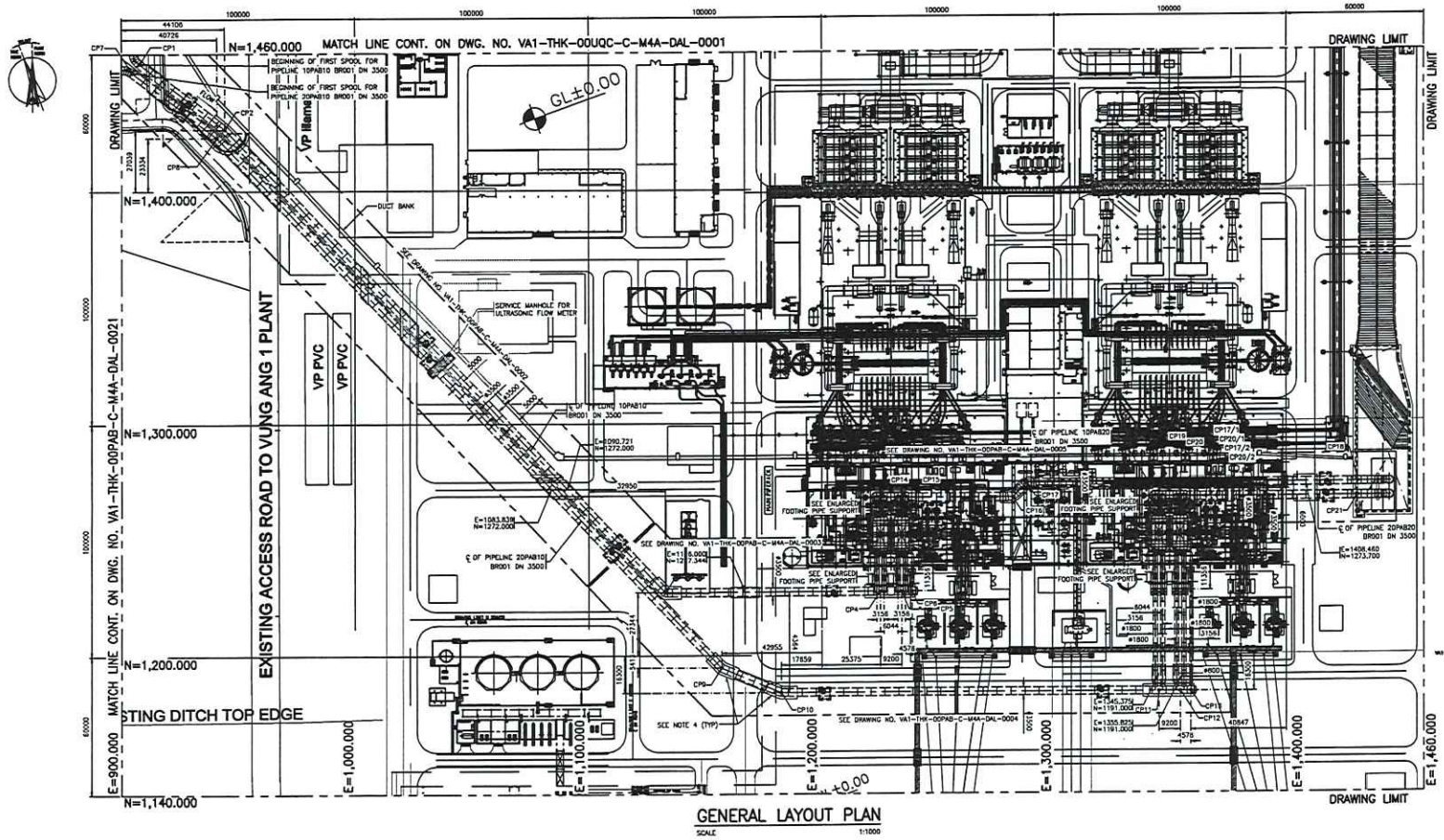
1. Giải pháp và phương pháp luận;

2. Kế hoạch công tác.

5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

Mục này quy định về quy trình kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, trình tự giao nộp sản phẩm (nếu có)... để phục vụ công tác thanh, quyết toán hợp đồng.

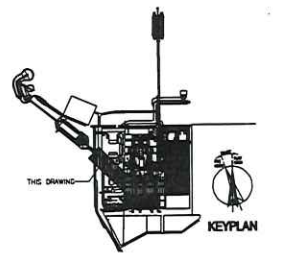

DRAWING LIMIT
N=1498.378
E=857.310
DRAWING LIMIT
MATCH LINE CONT. ON DWG. NO. VA1-THK-00PAE-M-M4A-DAL-0002
N=1460.000
E=900.000
E=908.919
DRAWING LIMIT
N=1445.111
DRAWING LIMIT
SEE DRAWING NO. VA1-THK-00PAB-C-M4A-DAL-0012
MATCH LINE CONT.ON DWG. NO. VA1-THK-00PAB-M-M4A-DAL-0001
CROTCH PLATE
CROTCH PLATE
CROTCH PLATE
MOTORIZED BYPASS VALVE ø2250mm.
FLANGE ADAPTORS ø2250mm.
CP-B-1
CP-B-2
CP-B-3
CP-B-4
CP-B-5
CP-B-6
CP-B-7
CP-B-8
CP-B-9
CP-B-10
CP-B-11
CP-B-12
CP-B-13
CP-B-14
CP-7
00PAC10 BR001
00PAC10 BR002
00PAC10 BR003
00PAC10 AA201
00PAC10 AA202
00PAC10 AA203
00PAC10 AA204
00PAC10 AA205
00PAC10 AA206
00PAC10 AA207
00PAC10 AA208
00PAC10 AA209
00PAC10 AA210
00PAC10 AA211
00PAC10 AA212
00PAC10 AA213
00PAC10 AA214
00PAC10 AA215
00PAC10 AA216
00PAC10 AA217
00PAC10 AA218
00PAC10 AA219
00PAC10 AA220
00PAC10 AA221
00PAC10 AA222
00PAC10 AA223
00PAC10 AA224
00PAC10 AA225
00PAC10 AA226
00PAC10 AA227
00PAC10 AA228
00PAC10 AA229
00PAC10 AA230
00PAC10 AA231
00PAC10 AA232
00PAC10 AA233
00PAC10 AA234
00PAC10 AA235
00PAC10 AA236
00PAC10 AA237
00PAC10 AA238
00PAC10 AA239
00PAC10 AA240
00PAC10 AA241
00PAC10 AA242
00PAC10 AA243
00PAC10 AA244
00PAC10 AA245
00PAC10 AA246
00PAC10 AA247
00PAC10 AA248
00PAC10 AA249
00PAC10 AA250
00PAC10 AA251
00PAC10 AA252
00PAC10 AA253
00PAC10 AA254
00PAC10 AA255
00PAC10 AA256
00PAC10 AA257
00PAC10 AA258
00PAC10 AA259
00PAC10 AA260
00PAC10 AA261
00PAC10 AA262
00PAC10 AA263
00PAC10 AA264
00PAC10 AA265
00PAC10 AA266
00PAC10 AA267
00PAC10 AA268
00PAC10 AA269
00PAC10 AA270
00PAC10 AA271
00PAC10 AA272
00PAC10 AA273
00PAC10 AA274
00PAC10 AA275
00PAC10 AA276
00PAC10 AA277
00PAC10 AA278
00PAC10 AA279
00PAC10 AA280
00PAC10 AA281
00PAC10 AA282
00PAC10 AA283
00PAC10 AA284
00PAC10 AA285
00PAC10 AA286
00PAC10 AA287
00PAC10 AA288
00PAC10 AA289
00PAC10 AA290
00PAC10 AA291
00PAC10 AA292
00PAC10 AA293
00PAC10 AA294
00PAC10 AA295
00PAC10 AA296
00PAC10 AA297
00PAC10 AA298
00PAC10 AA299
00PAC10 AA300
00PAC10 AA301
00PAC10 AA302
00PAC10 AA303
00PAC10 AA304
00PAC10 AA305
00PAC10 AA306
00PAC10 AA307
00PAC10 AA308
00PAC10 AA309
00PAC10 AA310
00PAC10 AA311
00PAC10 AA312
00PAC10 AA313
00PAC10 AA314
00PAC10 AA315
00PAC10 AA316
00PAC10 AA317
00PAC10 AA318
00PAC10 AA319
00PAC10 AA320
00PAC10 AA321
00PAC10 AA322
00PAC10 AA323
00PAC10 AA324
00PAC10 AA325
00PAC10 AA326
00PAC10 AA327
00PAC10 AA328
00PAC10 AA329
00PAC10 AA330
00PAC10 AA331
00PAC10 AA332
00PAC10 AA333
00PAC10 AA334
00PAC10 AA335
00PAC10 AA336
00PAC10 AA337
00PAC10 AA338
00PAC10 AA339
00PAC10 AA340
00PAC10 AA341
00PAC10 AA342
00PAC10 AA343
00PAC10 AA344
00PAC10 AA345
00PAC10 AA346
00PAC10 AA347
00PAC10 AA348
00PAC10 AA349
00PAC10 AA350
00PAC10 AA351
00PAC10 AA352
00PAC10 AA353
00PAC10 AA354
00PAC10 AA355
00PAC10 AA356
00PAC10 AA357
00PAC10 AA358
00PAC10 AA359
00PAC10 AA360
00PAC10 AA361
00PAC10 AA362
00PAC10 AA363
00PAC10 AA364
00PAC10 AA365
00PAC10 AA366
00PAC10 AA367
00PAC10 AA368
00PAC10 AA369
00PAC10 AA370
00PAC10 AA371
00PAC10 AA372
00PAC10 AA373
00PAC10 AA374
00PAC10 AA375
00PAC10 AA376
00PAC10 AA377
00PAC10 AA378
00PAC10 AA379
00PAC10 AA380
00PAC10 AA381
00PAC10 AA382
00PAC10 AA383
00PAC10 AA384
00PAC10 AA385
00PAC10 AA386
00PAC10 AA387
00PAC10 AA388
00PAC10 AA389
00PAC10 AA390
00PAC10 AA391
00PAC10 AA392
00PAC10 AA393
00PAC10 AA394
00PAC10 AA395
00PAC10 AA396
00PAC10 AA397
00PAC10 AA398
00PAC10 AA399
00PAC10 AA400
00PAC10 AA401
00PAC10 AA402
00PAC10 AA403
00PAC10 AA404
00PAC10 AA405
00PAC10 AA406
00PAC10 AA407
00PAC10 AA408
00PAC10 AA409
00PAC10 AA410
00PAC10 AA411
00PAC10 AA412
00PAC10 AA413
00PAC10 AA414
00PAC10 AA415
00PAC10 AA416
00PAC10 AA417
00PAC10 AA418
00PAC10 AA419
00PAC10 AA420
00PAC10 AA421
00PAC10 AA422
00PAC10 AA423
00PAC10 AA424
00PAC10 AA425
00PAC10 AA426
00PAC10 AA427
00PAC10 AA428
00PAC10 AA429
00PAC10 AA430
00PAC10 AA431
00PAC10 AA432
00PAC10 AA433
00PAC10 AA434
00PAC10 AA435
00PAC10 AA436
00PAC10 AA437
00PAC10 AA438
00PAC10 AA439
00PAC10 AA440
00PAC10 AA441
00PAC10 AA442
00PAC10 AA443
00PAC10 AA444
00PAC10 AA445
00PAC10 AA446
00PAC10 AA447
00PAC10 AA448
00PAC10 AA449
00PAC10 AA450
00PAC10 AA451
00PAC10 AA452
00PAC10 AA453
00PAC10 AA454
00PAC10 AA455
00PAC10 AA456
00PAC10 AA457
00PAC10 AA458
00PAC10 AA459
00PAC10 AA460
00PAC10 AA461
00PAC10 AA462
00PAC10 AA463
00PAC10 AA464
00PAC10 AA465
00PAC10 AA466
00PAC10 AA467
00PAC10 AA468
00PAC10 AA469
00PAC10 AA470
00PAC10 AA471
00PAC10 AA472
00PAC10 AA473
00PAC10 AA474
00PAC10 AA475
00PAC10 AA476
00PAC10 AA477
00PAC10 AA478
00PAC10 AA479
00PAC10 AA480
00PAC10 AA481
00PAC10 AA482
00PAC10 AA483
00PAC10 AA484
00PAC10 AA485
00PAC10 AA486
00PAC10 AA487
00PAC10 AA488
00PAC10 AA489
00PAC10 AA490
00PAC10 AA491
00PAC10 AA492
00PAC10 AA493
00PAC10 AA494
00PAC10 AA495
00PAC10 AA496
00PAC10 AA497
00PAC10 AA498
00PAC10 AA499
00PAC10 AA500
00PAC10 AA501
00PAC10 AA502
00PAC10 AA503
00PAC10 AA504
00PAC10 AA505
00PAC10 AA506
00PAC10 AA507
00PAC10 AA508
00PAC10 AA509
00PAC10 AA510
00PAC10 AA511
00PAC10 AA512
00PAC10 AA513
00PAC10 AA514
00PAC10 AA515
00PAC10 AA516
00PAC10 AA517
00PAC10 AA518
00PAC10 AA519
00PAC10 AA520
00PAC10 AA521
00PAC10 AA522
00PAC10 AA523
00PAC10 AA524
00PAC10 AA525
00PAC10 AA526
00PAC10 AA527
00PAC10 AA528
00PAC10 AA529
00PAC10 AA530
00PAC10 AA531
00PAC10 AA532
00PAC10 AA533
00PAC10 AA534
00PAC10 AA535
00PAC10 AA536
00PAC10 AA537
00PAC10 AA538
00PAC10 AA539
00PAC10 AA540
00PAC10 AA541
00PAC10 AA542
00PAC10 AA543
00PAC10 AA544
00PAC10 AA545
00PAC10 AA546
00PAC10 AA547
00PAC10 AA548
00PAC10 AA549
00PAC10 AA550
00PAC10 AA551
00PAC10 AA552
00PAC10 AA553
00PAC10 AA554
00PAC10 AA555
00PAC10 AA556
00PAC10 AA557
00PAC10 AA558
00PAC10 AA559
00PAC10 AA560
00PAC10 AA561
00PAC10 AA562
00PAC10 AA563
00PAC10 AA564
00PAC10 AA565
00PAC10 AA566
00PAC10 AA567
00PAC10 AA568
00PAC10 AA569
00PAC10 AA570
00PAC10 AA571
00PAC10 AA572
00PAC10 AA573
00PAC10 AA574
00PAC10 AA575
00PAC10 AA576
00PAC10 AA577
00PAC10 AA578
00PAC10 AA579
00PAC10 AA580
00PAC10 AA581
00PAC10 AA582
00PAC10 AA583
00PAC10 AA584
00PAC10 AA585
00PAC10 AA586
00PAC10 AA587
00PAC10 AA588
00PAC10 AA589
00PAC10 AA590
00PAC10 AA591
00PAC10 AA592
00PAC10 AA593
00PAC10 AA594
00PAC10 AA595
00PAC10 AA596
00PAC10 AA597
00PAC10 AA598
00PAC10 AA599
00PAC10 AA600
00PAC10 AA601
00PAC10 AA602
00PAC10 AA603
00PAC10 AA604
00PAC10 AA605
00PAC10 AA606
00PAC10 AA607
00PAC10 AA608
00PAC10 AA609
00PAC10 AA610
00PAC10 AA611
00PAC10 AA612
00PAC10 AA613
00PAC10 AA614
00PAC10 AA615
00PAC10 AA616
00PAC10 AA617
00PAC10 AA618
00PAC10 AA619
00PAC10 AA620
00PAC10 AA621
00PAC10 AA622
00PAC10 AA623
00PAC10 AA624
00PAC10 AA625
00PAC10 AA626
00PAC10 AA627
00PAC10 AA628
00PAC10 AA629
00PAC10 AA630
00PAC10 AA631
00PAC10 AA632
00PAC10 AA633
00PAC10 AA634
00PAC10 AA635
00PAC10 AA636
00PAC10 AA637
00PAC10 AA638
00PAC10 AA639
00PAC10 AA640
00PAC10 AA641
00PAC10 AA642
00PAC10 AA643
00PAC10 AA644
00PAC10 AA645
00PAC10 AA646
00PAC10 AA647
00PAC10 AA648
00PAC10 AA649
00PAC10 AA650
00PAC10 AA651
00PAC10 AA652
00PAC10 AA653
00PAC10 AA654
00PAC10 AA655
00PAC10 AA656
00PAC10 AA657
00PAC10 AA658
00PAC10 AA659
00PAC10 AA660
00PAC10 AA661
00PAC10 AA662
00PAC10 AA663
00PAC10 AA664
00PAC10 AA665
00PAC10 AA666
00PAC10 AA667
00PAC10 AA668
00PAC10 AA669
00PAC10 AA670
00PAC10 AA671
00PAC10 AA672
00PAC10 AA673
00PAC10 AA674
00PAC10 AA675
00PAC10 AA676
00PAC10 AA677
00PAC10 AA678
00PAC10 AA679
00PAC10 AA680
00PAC10 AA681
00PAC10 AA682
00PAC10 AA683
00PAC10 AA684
00PAC10 AA685
00PAC10 AA686
00PAC10 AA687
00PAC10 AA688
00PAC10 AA689
00PAC10 AA690
00PAC10 AA691
00PAC10 AA692
00PAC10 AA693
00PAC10 AA694
00PAC10 AA695
00PAC10 AA696
00PAC10 AA697
00PAC10 AA698
00PAC10 AA699
00PAC10 AA700
00PAC10 AA701
00PAC10 AA702
00PAC10 AA703
00PAC10 AA704
00PAC10 AA705
00PAC10 AA706
00PAC10 AA707
00PAC10 AA708
00PAC10 AA709
00PAC10 AA710
00PAC10 AA711
00PAC10 AA712
00PAC10 AA713
00PAC10 AA714
00PAC10 AA715
00PAC10 AA716
00PAC10 AA717
00PAC10 AA718
00PAC10 AA719
00PAC10 AA720
00PAC10 AA721
00PAC10 AA722
00PAC10 AA723
00PAC10 AA724
00PAC10 AA725
00PAC10 AA726
00PAC10 AA727
00PAC10 AA728
00PAC10 AA729
00PAC10 AA730
00PAC10 AA731
00PAC10 AA732
00PAC10 AA733
00PAC10 AA734
00PAC10 AA735
00PAC10 AA736
00PAC10 AA737
00PAC10 AA738
00PAC10 AA739
00PAC10 AA740
00PAC10 AA741
00PAC10 AA742
00PAC10 AA743
00PAC10 AA744
00PAC10 AA745
00PAC10 AA746
00PAC10 AA747
00PAC10 AA748
00PAC10 AA749
00PAC10 AA750
00PAC10 AA751
00PAC10 AA752
00PAC10 AA753
00PAC10 AA754
00PAC10 AA755
00PAC10 AA756
00PAC10 AA757
00PAC10 AA758
00PAC10 AA759
00PAC10 AA760
00PAC10 AA761
00PAC10 AA762
00PAC10 AA763
00PAC10 AA764
00PAC10 AA765
00PAC10 AA766
00PAC10 AA767
00PAC10 AA768
00PAC10 AA769
00PAC10 AA770
00PAC10 AA771
00PAC10 AA772
00PAC10 AA773
00PAC10 AA774
00PAC10 AA775
00PAC10 AA776
00PAC10 AA777
00PAC10 AA778
00PAC10 AA779
00PAC10 AA780
00PAC10 AA781
00PAC10 AA782
00PAC10 AA783
00PAC10 AA784
00PAC10 AA785
00PAC10 AA786
00PAC10 AA787
00PAC10 AA788
00PAC10 AA789
00PAC10 AA790
00PAC10 AA791
00PAC10 AA792
00PAC10 AA793
00PAC10 AA794
00PAC10 AA795
00PAC10 AA796
00PAC10 AA797
00PAC10 AA798
00PAC10 AA799
00PAC10 AA800
00PAC10 AA801
00PAC10 AA802
00PAC10 AA803
00PAC10 AA804
00PAC10 AA805
00PAC10 AA806
00PAC10 AA807
00PAC10 AA808
00PAC10 AA809
00PAC10 AA810
00PAC10 AA811
00PAC10 AA812
00PAC10 AA813
00PAC10 AA814
00PAC10 AA815
00PAC10 AA816
00PAC10 AA817
00PAC10 AA818
00PAC10 AA819
00PAC10 AA820
00PAC10 AA821
00PAC10 AA822
00PAC10 AA823
00PAC10 AA824
00PAC10 AA825
00PAC10 AA826
00PAC10 AA827
00PAC10 AA828
00PAC10 AA829
00PAC10 AA830
00PAC10 AA831
00PAC10 AA832
00PAC10 AA833
00PAC10 AA834
00PAC10 AA835
00PAC10 AA836
00PAC10 AA837
00PAC10 AA838
00PAC10 AA839
00PAC10 AA840
00PAC10 AA841
00PAC10 AA842
00PAC10 AA843
00PAC10 AA844
00PAC10 AA845
00PAC10 AA846
00PAC10 AA847
00PAC10 AA848
00PAC10 AA849
00PAC10 AA850
00PAC10 AA851
00PAC10 AA852
00PAC10 AA853
00PAC10 AA854
00PAC10 AA855
00PAC10 AA856
00PAC10 AA857
00PAC10 AA858
00PAC10 AA859
00PAC10 AA860
00PAC10 AA861
00PAC10 AA862
00PAC10 AA863
00PAC10 AA864
00PAC10 AA865
00PAC10 AA866
00PAC10 AA867
00PAC10 AA868
00PAC10 AA869
00PAC10 AA870
00PAC10 AA871
00PAC10 AA872
00PAC10 AA873
00PAC10 AA874
00PAC10 AA875
00PAC10 AA876
00PAC10 AA877
00PAC10 AA878
00PAC10 AA879
00PAC10 AA880
00PAC10 AA881
00PAC10 AA882
00PAC10 AA883
00PAC10 AA884
00PAC10 AA885
00PAC10 AA886
00PAC10 AA887
00PAC10 AA888
00PAC10 AA889
00PAC10 AA890
00PAC10 AA891
00PAC10 AA892
00PAC10 AA893
00PAC10 AA894
00PAC10 AA895
00PAC10 AA896
00PAC10 AA897
00PAC10 AA898
00PAC10 AA899
00PAC10 AA900
00PAC10 AA901
00PAC10 AA902
00PAC10 AA903
00PAC10 AA904
00PAC10 AA905
00PAC10 AA906
00PAC10 AA907
00PAC10 AA908
00PAC10 AA909
00PAC10 AA910
00PAC10 AA911
00PAC10 AA912
00PAC10 AA913
00PAC10 AA914
00PAC10 AA915
00PAC10 AA916
00PAC10 AA917
00PAC10 AA918
00PAC10 AA919
00PAC10 AA920
00PAC10 AA921
00PAC10 AA922
00PAC10 AA923
00PAC10 AA924
00PAC10 AA925
00PAC10 AA926
00PAC10 AA927
00PAC10 AA928
00PAC10 AA929
00PAC10 AA930
00PAC10 AA931
00PAC10 AA932
00PAC10 AA933
00PAC10 AA934
00PAC10 AA935
00PAC10 AA936
00PAC10 AA937
00PAC10 AA938
00PAC10 AA939
00PAC10 AA940
00PAC10 AA941
00PAC10 AA942
00PAC10 AA943
00PAC10 AA944
00PAC10 AA945
00PAC10 AA946
00PAC10 AA947
00PAC10 AA948
00PAC10 AA949
00PAC10 AA950
00PAC10 AA951
00PAC10 AA952
00PAC10 AA953
00PAC10 AA954
00PAC10 AA955
00PAC10 AA956
00PAC10 AA957
00PAC10 AA958
00PAC10 AA959
00PAC10 AA960
00PAC10 AA961
00PAC10 AA962
00PAC10 AA963
00PAC10 AA964
00PAC10 AA965
00PAC10 AA966
00PAC10 AA967
00PAC10 AA968
00PAC10 AA969
00PAC10 AA970
00PAC10 AA971
00PAC10 AA972
00PAC10 AA973
00PAC10 AA974
00PAC10 AA975
00PAC10 AA976
00PAC10 AA977
00PAC10 AA978
00PAC10 AA979
00PAC10 AA980
00PAC10 AA981
00PAC10 AA982
00PAC10 AA983
00PAC10 AA984
00PAC10 AA985
00PAC10 AA986
00PAC10 AA987
00PAC10 AA988
00PAC10 AA989
00PAC10 AA990
00PAC10 AA991
00PAC10 AA992
00PAC10 AA993
00PAC10 AA994
00PAC10 AA995
00PAC10 AA996
00PAC10 AA997
00PAC10 AA998
00PAC10 AA999
00PAC10 AB001
00PAC10 AB002
00PAC10 AB003
00PAC10 AB004
00PAC10 AB005
00PAC10 AB006
00PAC10 AB007
00PAC10 AB008
00PAC10 AB009
00PAC10 AB010
00PAC10 AB011
00PAC10 AB012
00PAC10 AB013
00PAC10 AB014
00PAC10 AB015
00PAC10 AB016
00PAC10 AB017
00PAC10 AB018
00PAC10 AB019
00PAC10 AB020
00PAC10



GENERAL LAYOUT PLAN

SCALE 1:1000

SETTING OUT POINT	COORDINATES		
	E	N	GL
CP 1	907.662	1,455.815	-3.800
CP 2	944.106	1,427.039	-3.800
CP 3	1,132.950	1,227.344	-3.800
CP 4	1,225.375	1,227.344	-3.800
CP 5	1,234.575	1,227.344	-3.800
CP 6	1,238.153	1,227.344	-3.800
CP 7	904.577	1,451.680	-3.800
CP 8	940.729	1,423.334	-3.800
CP 9	1,157.845	1,194.587	-3.800
CP10	1,182.341	1,183.700	-3.800
CP11	1,345.375	1,183.700	-3.800
CP12	1,354.575	1,183.700	-3.800
CP13	1,359.153	1,183.700	-3.800
CP14	1,225.375	1,267.700	-2.550
CP15	1,234.575	1,267.700	-2.550
CP16	1,282.175	1,267.700	-2.550
CP17	1,288.175	1,273.700	-2.550
CP17/1	1,365.590	1,273.000	-2.550
CP17/2	1,370.255	1,273.700	-3.800
CP18	1,431.202	1,273.700	-3.800
CP19	1,345.375	1,267.700	-2.550
CP20	1,354.575	1,267.700	-2.550
CP20/1	1,365.590	1,267.700	-2.550
CP20/2	1,370.255	1,267.700	-3.800
CP21	1,431.202	1,267.700	-3.800



NOTE:
1. ALL LEVELS ARE IN METERS AND DIMENSIONS ARE IN MM UNLESS SPECIFIED.
2. PLANT GRADE LEVEL (GL) ±0.000 = +8.000 m. MSL.
3. ALL LEVELS ARE REFERRED TO GL.
4. DETAIL OF THRUST BLOCK AND UNDERGROUND ENCASED, REFER TO REFERENCE DRAWING.
5. COORDINATION N,E REFER TO PLANT NORTH

LEGEND :
℄ = CENTERLINE
CP = CENTER OF PIPE
GL = PLANT GRADE LEVEL
TP = TERMINAL POINT

DRAWING No.	DESCRIPTION
VA1-THK-00PAB-C-M4A-DAL-0021	MAIN COOLING WATER SYSTEM – THRUST BLOCK REFURCHISH
VA1-THK-00PAB-C-M4A-DAL-0014	MCW SYSTEM PLAN AND SECNCS THRUST BLOCK CP5, CP16, CP15, CP13, CP14, CP17/1, CP17/2, CP18/2)
VA1-THK-00PAB-C-M4A-DAL-0012	MCW SYSTEM PLAN AND SECNCS THRUST BLOCK CP1=CP4=CP7=CP8=CP9)
VA1-THK-00PAB-C-M4A-DAL-0011	MAIN COOLING WATER SYSTEM TYPICAL SCHAL FOR COOLING WATER PIPLINE MARKINGE PLAN MCW AND SECTION (TYPICAL)
VA1-THK-00PAB-C-M4A-DAL-0010	MAIN COOLING WATER SYSTEM TYPICAL SCHAL FOR ENCASED CONCRETE OF PIPE TYPICAL 1, 2, 3 & 4
VA1-THK-00PAB-C-M4A-DAL-0025	MAIN COOLING WATER SYSTEM MCW MAIN SUPPLY PIPE 10PAB20 AND 20PAB20
VA1-THK-00PAB-C-M4A-DAL-0024	MAIN COOLING WATER SYSTEM MCW MAIN SUPPLY PIPE 10PAB10 AND 20PAB10
VA1-THK-00PAB-C-M4A-DAL-0023	MAIN COOLING WATER SYSTEM MCW MAIN SUPPLY PIPE 10PAB10 AND 20PAB10
VA1-THK-00PAB-C-M4A-DAL-0022	MAIN COOLING WATER SYSTEM MCW MAIN SUPPLY PIPE 10PAB10 AND 20PAB10

REFERENCE DRAWING

DRAWING STATUS: AS-BUILT DRAWING

PETRO VIET NAM STAMP:

LILAMA STAMP:

REV.	DATE	DESCRIPTION	DRAWN	CHKD	APPD
2	16.08.2013	AS-BUILT DRAWING	VIRAT V.	MANIPOL	SUNEETH Y.
1	10.01.2013	REVISE AS PER LILAMA COMMENT C3-M4A-C-00125	VIRAT V.	KIRT K.	SUNEETH Y.
0	07.10.2010	FOR CONSTRUCTION AS	VIRAT V.	KIRT K.	SUNEETH Y.
		C3-M4A- C-00110			
B	26.07.2010	REVISED AS PER LILAMA'S COMMENT	VIRAT V.	KIRT K.	SUNEETH Y.
		CHS-00321 & 00325			
A	28.05.2010	FOR APPROVAL	VIRAT V.	KIRT K.	SUNEETH Y.

OWNER: VIETNAM OIL AND GAS GROUP (PVN)

OWNER'S CONSULTANT: PÖYRY ENERGY LTD

EPC CONTRACTOR: VIETNAM MACHINERY INSTALLATION CORPORATION (LILAMA)

EPC CONTRACTOR'S CONSULTANT: FICHTNER GmbH & Co. KG

PROJECT TITLE:

VUNG ANG 1 THERMAL POWER PLANT 2 x 600MW
M LOT4A MAIN COOLING WATER SYSTEM (BOP)

CONTRACT No.: BITC/BOR/LILAMA-TORISH-BINH/LILAMA 18

DRAWING TITLE:

MAIN COOLING WATER SYSTEM
GENERAL LAYOUT PLAN
MAIN SUPPLY PIPE

SUBCONTRACTOR: THERMAL-LILAMA JOINT STOCK CORPORATION

	FUNCTION	NAME	SIGN	DATE
	DRAWN	VIRAT V.		16.08.2013
	CHECKED	MANIPOL T.		16.08.2013
	APPROVED	SUNEETH Y.		16.08.2013

DRAWING No.: VA1-THK-00PAB-C-M4A-DAL-0001

SCALE: AS SHOWN

REV.: 2

Phần 4. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

Mẫu số 13 (Scan đính kèm)

THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG[1]

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ *[Ghi tên Nhà thầu trúng thầu]* (sau đây gọi tắt là "Nhà thầu")

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số___ ngày___ tháng___ năm___ của _____ *[Ghi tên chủ đầu tư]* (sau đây gọi tắt là "Chủ đầu tư") về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu_____ *[tên, số hiệu gói thầu]*, Chủ đầu tư thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu____ *[Ghi tên, số hiệu gói thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần thì Hệ thống trích xuất tên, số hiệu của phần mà nhà thầu được công nhận trúng thầu]* với giá hợp đồng là _____ *[Ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]* với thời gian thực hiện gói thầu là___ *[Ghi thông tin trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]*.

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng thông qua phương tiện điện tử:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng:___ *[ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng];*

- Địa chỉ phương tiện điện tử:___ *[ghi đường link, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có)...];*

- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có) thực hiện trên Hệ thống.

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng:___ *[ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng]*, tại địa điểm[2]____ *[ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng]*.

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 15 Chương VIII của E-HSMT với số tiền___ và thời gian hiệu lực___ *[ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT]*.

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày___tháng___năm___[3] mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Ghi chú:

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

(3) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.

Mẫu số 14A (Scan đính kèm)

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ[1]

Số hiệu hợp đồng: Số ...../HĐ/PVPTSC-...../DV/VA1/202..

PHẦN I: CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội;
- Biên bản hoàn thiện hợp đồng ngày ...../...../.....

PHẦN II: CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày tháng năm 202..., chúng tôi gồm:

1. CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM– CTCP –TRUNG TÂM DỊCH VỤ KỸ THUẬT (sau đây gọi là Bên A)

Địa chỉ : Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 Trung Kính, Yên Hòa, Hà Nội.

Mã số thuế : 0102276173-009

Điện thoại : 024.2221 0288 Fax: 024.2221 0388

Đại diện là : **Ông Phạm Đức Nghĩa**

Chức vụ : Phó Giám đốc

(Theo Quyết định Ủy quyền số /QĐ-TSC ngày / /2025 của Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật)

Và

2. ..... (sau đây gọi là Bên B)

Địa chỉ : .....

Mã số thuế : .....

Tài khoản số : .....

Tại ngân hàng: .....

Đại diện là : .....

Chức vụ : .....

Hai bên thoả thuận ký kết Hợp đồng dịch vụ (sau đây gọi tắt là "Hợp đồng") theo những nội dung dưới đây.

Điều 1. Các định nghĩa

Trong Hợp đồng này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

---

[1] Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện hợp đồng có sự khác biệt so với E-ĐKCT.

[2] Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

1.1. "**Hợp đồng**" là Hợp đồng ..... và các Phụ lục Hợp đồng kèm theo.

1.2. "**Bên A**" là Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật (PV Power TSC).

1.3. "**Bên B**" là .....

1.4. "**Hai Bên**" là Bên A và Bên B.

1.5. "**Ngày**" là ngày dương lịch.

1.6. "**Tuần**" là 07 ngày dương lịch.

1.7. "**Nhà máy**" hoặc "**Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1**" Viết tắt: NMNĐ Vũng Áng 1 – là toàn bộ các hệ thống công nghệ, thiết bị, các công trình phụ trợ cấu thành Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1.

1.8. **Hàng hóa**: Là các vật tư mà Bên B phải cung cấp cho Bên A theo quy định tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này.

1.9. "**PV Power Ha Tinh**" là Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP – Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh.

1.10. "**An toàn sức khỏe môi trường**" Viết tắt : ATSKMT – Bao gồm các vấn đề về an toàn vệ sinh lao động, sức khỏe người lao động và môi trường làm việc, môi trường tự nhiên, xã hội.

1.11. "**Công việc**" là dịch vụ kiểm tra, đánh giá, khắc phục sơn đường ống tuần hoàn nước làm mát bình ngưng, nước làm mát hở tổ máy số 1 NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2026 theo quy định tại Phụ lục 1.

1.12. "**Phát sinh**" là khối lượng công việc phải thực hiện nằm ngoài Phạm vi công việc và giá trị thực hiện công việc chưa được tính trong giá Hợp đồng.

Điều 2. Thành phần Hợp đồng

Thành phần Hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau và là bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng.

i. Văn bản hợp đồng (các điều khoản và các Phụ lục kèm theo Hợp đồng), các Sửa đổi, Bổ sung Hợp đồng (nếu có).
ii. E-Hồ sơ mời thầu, E- Hồ sơ dự thầu.
iii. Biên bản thương thảo hoàn thiện Hợp đồng.
iv. Các tài liệu khác kèm theo (nếu có).

Điều 3. Đối tượng Hợp đồng

Bên A đồng ý giao, Bên B đồng ý nhận thực hiện "Cung cấp dịch vụ kiểm tra, đánh giá, khắc phục sơn đường ống tuần hoàn nước làm mát bình ngưng, nước làm mát hở tổ máy số 1 NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2026", theo phạm vi công việc quy định chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm Hợp đồng và đáp ứng chất lượng dịch vụ theo quy định của Hợp đồng.

Bên B có trách nhiệm lập kế hoạch/ thực hiện toàn bộ công tác bảo dưỡng sửa chữa theo phạm vi quy định tại Phụ lục 1 theo đúng quy trình, tài liệu O&M, thiết kế của nhà chế tạo thiết bị và các quy định trong lĩnh vực điện, đảm bảo sau khi nghiệm thu chạy thử Nhà máy điện Vũng Áng 1 vận hành an toàn, tin cậy, đảm bảo các thông số kỹ thuật thiết bị.

Đối với trường hợp phát sinh tăng, giảm phạm vi công việc, các Bên thực hiện theo nguyên tắc xử lý phát sinh tăng, giảm quy định tại Điều 13 của Hợp đồng này.

Điều 4. Địa điểm, thời gian và cách thức thực hiện công việc

4.1. Địa điểm giao hàng: Tại Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 thuộc sự quản lý của Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh.

Địa chỉ: Xóm Hải Phong, Phường Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh

4.2. Thời gian thực hiện công việc: 30 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng thi công (dự kiến tháng 8/2026).

4.3. Cách thức thực hiện công việc:

- Sau khi Hợp đồng có hiệu lực, căn cứ tiến độ đại tu thực tế của Tổ máy 1, Bên A sẽ gửi công văn thông báo về thời điểm bắt đầu công việc chính thức đến Bên B trước 15 ngày.
- Trong vòng 20 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng, Bên B đệ trình Bên A xem xét thông qua các công việc sau:
  + Khảo sát, lập biện pháp thi công (Cách thức/ trình tự tổ chức thực hiện; Danh mục nguyên vật liệu, máy móc, công cụ dụng cụ và thiết bị phục vụ thi công.....) và tiến độ chi tiết cho từng khu vực vị trí thi công.
  + Sơ đồ tổ chức thi công của Bên B.
  + Tiến độ thi công chi tiết (cấp 3).
  + Hồ sơ an toàn sức khỏe môi trường (theo nội dung và danh mục như hồ sơ yêu cầu ATSKMT theo Phụ lục 3 đính kèm).
- Toàn bộ thiết bị, máy móc, vật tư, công cụ dụng cụ để thực hiện từng hạng mục công việc phải được tập kết tại công trường trước 02 ngày thực hiện hạng mục công việc đó. Trong đó:
  + Bên B phải cung cấp giấy tờ kiểm định (nếu có yêu cầu) của thiết bị, máy móc do đơn vị có chức năng cấp còn hiệu lực tính đến hết thời gian thực hiện công việc thuộc Hợp đồng này.
  + Bên B phải đảm bảo số lượng vật tư đủ để thực hiện công việc.
- Trong vòng 15 ngày trước khi bắt đầu thực hiện công việc, các Bên cùng nhau thống nhất tiến độ công việc theo biện pháp thi công nêu trên và các mốc quan trọng phải hoàn thành để đảm bảo tiến độ dừng và lên của máy. Đồng thời, trên

cơ sở biện pháp thi công đã được Bên A thông qua, Bên B phải gửi cho Bên A danh sách, số lượng nhân sự, thiết bị công cụ dụng cụ, vật tư Bên B sử dụng tại công trường để Bên A làm thủ tục đăng ký ra vào Nhà máy (bao gồm cả thời gian và nhân lực làm thêm giờ, nếu cần thiết).

4.4. Trường hợp Bên A nhận thấy Bên B không đáp ứng được tiến độ các mốc quan trọng và theo tiến độ thi công cấp 3 đã được Bên A thông qua dẫn đến có thể ảnh hưởng tiến độ tổng thể của kỳ sửa chữa, Bên A có quyền yêu cầu và Bên B phải có biện pháp bổ sung nhân lực, máy móc, thực hiện các biện pháp liên quan để đảm bảo tiến độ phù hợp. Trường hợp Bên B không đáp ứng được yêu cầu của Bên A, Bên A có quyền thuê bên thứ ba để xử lý, khắc phục ngay những phần việc đã và sẽ bị ảnh hưởng do việc không đáp ứng tiến độ của Bên B. Những chi phí liên quan sẽ được khấu trừ vào phần thanh toán cho Bên B.

Điều 5. Loại Hợp đồng và giá hợp đồng

5.1. Loại hợp đồng: Trọn gói theo phạm vi công việc.

5.2. Giá hợp đồng là ..... **VNĐ** *(đã bao gồm thuế GTGT) (Bằng chữ: ...../.).*

(Chi tiết Phụ lục 1 – Bảng phạm vi công việc và giá Hợp đồng đính kèm)

Giá trị nêu trên đã bao gồm toàn bộ chi phí dịch vụ cho công tác bảo dưỡng sửa chữa (chi phí nhân công, vật tư tiêu hao, vật liệu phụ, công cụ dụng cụ, máy móc thiết bị thi công, chi phí phòng chống bệnh truyền nhiễm nhóm A (nếu có) theo quy định hiện hành của Chính phủ, Bộ y tế, Sở ban ngành địa phương, Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 và các chi phí phát sinh liên quan khác) để thực hiện toàn bộ phạm vi công việc theo chi tiết quy định tại Phụ lục 1 của Hợp đồng, kể cả việc sử dụng vật tư trong giai đoạn bảo hành.

Giá trị Hợp đồng trên đây sẽ không được thay đổi sau khi Hợp đồng đã được cả hai bên ký kết, trừ trường hợp mức thuế suất thuế GTGT thay đổi dẫn đến thay đổi giá Hợp đồng, khi đó giá Hợp đồng sẽ được điều chỉnh tương ứng.

Điều 6. Bảo đảm thực hiện Hợp đồng

6.1. Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực, Bên B phải nộp cho Bên A bảo đảm thực hiện hợp đồng với nội dung yêu cầu như sau:

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Thư Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng vô điều kiện không hủy ngang do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam được Bên A chấp thuận phát hành.
- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10% giá hợp đồng.

- Hiệu lực: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày Thư Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng được phát hành nhưng không muộn hơn 07 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng và có hiệu lực đến ngày phát hành Bảo lãnh bảo hành hoặc đến hết ngày 31/12/2026. Trường hợp đến ngày hết hạn của Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng mà Bên B chưa nộp Bảo lãnh bảo hành cho Bên A thì Bên B có trách nhiệm thực hiện gia hạn thời gian Bảo lãnh thực hiện hợp đồng thêm 30 ngày kể từ ngày Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng hết hạn.

6.2. Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng sẽ được trả cho Bên A trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo Hợp đồng.

Để tránh nhầm lẫn, việc chi trả Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng như trên sẽ không loại bỏ trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại của Bên B cho Bên A đối với các thiệt hại xảy ra với Bên A xuất phát từ lỗi của Bên B.

6.3. Trường hợp sau khi ký kết hợp đồng 07 ngày làm việc mà Bên B vẫn chưa nộp cho Bên A Bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì Bên B phải có văn bản thông báo cho Bên A lý do chậm trễ. Tuy nhiên, thời gian gia hạn thêm không quá 03 ngày làm việc. Sau thời điểm trên, Bên A sẽ xem xét chấm dứt hợp đồng với Bên B.

Điều 7. Hình thức và phương thức tạm ứng, thanh toán

1. Hình thức thanh toán: chuyển khoản bằng tiền Việt Nam.

2. Tạm ứng :

Sau khi Hợp đồng có hiệu lực, Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B 10% giá trị Hợp đồng trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ bộ hồ sơ đề nghị tạm ứng của Bên B bao gồm như sau:

i. Một (01) bản gốc **Đề nghị tạm ứng** của Bên B.

ii. Một (01) bản sao **Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.**

iii. Một (01) bản gốc **Bảo lãnh tiền tạm ứng** vô điều kiện không hủy ngang có giá trị bằng 100% giá trị tạm ứng do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam được Bên A chấp thuận phát hành, có hiệu lực đến thời điểm Bên A thu hồi toàn bộ tiền tạm ứng hoặc đến ngày 31/12/2024. Trường hợp đến ngày hết hạn của Bảo lãnh tiền tạm ứng mà Bên A chưa thu hồi được toàn bộ tiền đã tạm ứng thì Bên B có trách nhiệm thực hiện gia hạn thời gian Bảo lãnh tiền tạm ứng đến thời điểm Bên A thu hồi toàn bộ tiền đã tạm ứng cho Bên B.

3. Thanh toán:

Bên A sẽ thanh toán 100% giá trị của Hợp đồng căn cứ khối lượng công việc

thực tế hoàn thành được hai bên thống nhất và ghi nhận giá trị tại Biên bản nghiệm thu giá trị khối lượng hoàn thành sau khi đã thu hồi toàn bộ giá trị tạm ứng. Việc thanh toán sẽ được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ bộ chứng từ thanh toán hoàn chỉnh.

Hồ sơ thanh toán bao gồm các chứng từ và tài liệu sau:

i. Một (01) bản gốc **Đề nghị thanh toán** ghi rõ số tiền đề nghị thanh toán, số tài khoản, đơn vị thụ hưởng.

ii. Một (01) bản gốc các **Hoá đơn Tài chính** hợp pháp, hợp lệ ghi rõ 100% giá trị hạng mục công việc thực tế được ghi nhận tại Biên bản nghiệm thu giá trị khối lượng hoàn thành, thuế GTGT.

iii. Một (01) bản gốc **Bảng tính diện tích** đường ống đã khắc phục được đại diện có thẩm quyền của các bên cùng ký xác nhận.

iv. Một (01) bản gốc **Biên bản phạt chậm tiến độ/ phạt vi phạm/bồi thường thiệt hại** (nếu có) theo quy định của Hợp đồng.

v. Một (01) bản gốc **Bảng xác nhận tiến độ thi công thực tế các hạng mục** được đại diện có thẩm quyền của các bên cùng ký xác nhận.

i. Một (01) bản gốc hoặc bản sao được công chứng/chứng thực **Giấy Chứng nhận Chất lượng** (Certificate of Quality (C/Q)) của nhà sản xuất, **Giấy Chứng nhận Xuất xứ Hàng hóa** (Certificate of Origin (C/O)) của nhà sản xuất đối với Hàng hóa cung cấp quy định Phụ lục đính kèm.

ii. Một (01) bản gốc **Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành** được đại diện có thẩm quyền của các bên cùng ký xác nhận.

iii. Một (01) bản gốc **Biên bản nghiệm thu giá trị khối lượng hoàn thành** được đại diện có thẩm quyền của các bên cùng ký xác nhận. (đính kèm các biên bản thử nghiệm/thí nghiệm (nếu có)).

iv. Một (01) bản gốc **Biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình đưa vào sử dụng** được đại diện có thẩm quyền của các bên cùng ký xác nhận.

v. Một (01) bản gốc **Giấy cam kết Bảo Hành** do Bên B phát hành, cam kết dịch vụ cung cấp theo Hợp đồng sẽ được bảo hành trong vòng 06 tháng kể từ ngày ký Biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

vi. Một (01) bản gốc **Bảo lãnh bảo hành** vô điều kiện không hủy ngang của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, giá trị bảo lãnh là 05% giá trị quyết toán phần dịch vụ của Hợp đồng.

vii. Một (01) bản gốc **Biên bản Quyết toán và Thanh lý hợp đồng** được đại diện có thẩm quyền của các bên cùng ký xác nhận.

4. Giảm trừ thanh toán:

Trong trường hợp Bên B không triển khai bất cứ hạng mục nào thuộc Phụ lục 1 do yêu cầu từ phía Bên A thì các Bên sẽ loại trừ hạng mục đó khi thanh, quyết toán và theo quy định của Hợp đồng này.

5. Phát sinh thanh toán:

Trường hợp Bên A có yêu cầu và Bên B đồng ý thực hiện thêm các công việc ngoài phạm vi công việc tại Phụ lục 1 thì hai bên sẽ ký Sửa đổi Bổ sung Hợp đồng để làm căn cứ thực hiện/thanh toán cho các công việc phát sinh này.

Quy trình thực hiện trong trường hợp phát sinh ngoài phạm vi công việc của Hợp đồng sẽ được thực hiện theo quy định tại Điều 13 của Hợp đồng này.

6. Thông tin Hóa đơn thuế GTGT được xuất theo tên, địa chỉ và mã số thuế như sau:

Tên đơn vị:	*Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật*
Địa chỉ:	*Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, 167 đường Trung Kính, P. Yên Hòa, Hà Nội, Việt Nam*
Mã số thuế:	*0102276173 - 009*

Bên B gửi bộ chứng từ thanh toán nói trên (01 bản gốc và 01 bản sao) về Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt nam – CTCP – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật theo địa chỉ: *Văn phòng Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, 167 Trung Kính, P. Yên Hòa, Hà Nội.*

Điều 8. Quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên A

8.1. Quyền của Bên A:

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Hợp đồng của Bên B và yêu cầu Bên B báo cáo, cung cấp các tài liệu có liên quan trong quá trình triển khai Hợp đồng.
- Chấm dứt Hợp đồng khi Bên B vi phạm các điều khoản quy định trong Hợp đồng này.
- Từ chối thanh toán khi Bên B không tuân thủ các quy định của Hợp đồng.
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

8.2. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên A

- Tổ chức hướng dẫn an toàn, nội quy, quy định lao động và cấp thẻ ra/vào Công trường cho nhân sự của Bên B thực hiện công việc. Bên A sẽ thông báo cho Bên B thời gian tổ chức hướng dẫn an toàn, nội quy, quy định lao động trước ngày bắt đầu thực hiện công việc 02 (hai) ngày. Bên A sẽ không chịu trách nhiệm nếu có bất kỳ chậm trễ phát sinh nào gây ra do Bên B chậm trễ trong

việc cử nhân sự của mình tham gia đào tạo về nội quy làm việc, quy định an toàn lao động như quy định nêu trên.

- Tạo điều kiện thuận lợi trong phạm vi có thể (bao gồm cung cấp cho Bên B các hồ sơ, tài liệu mà Bên A có liên quan; nguồn điện, nguồn nước, mặt bằng, thiết bị nâng hạ hiện có) để Bên B thực hiện công việc.
- Xem xét, thông qua kế hoạch, biện pháp thi công, biện pháp an toàn, tiến độ thi công chi tiết cho phạm vi công việc sửa chữa theo quy định tại Phụ lục 1 trên cơ sở đề xuất của Bên B.
- Cử cán bộ chuyên trách giám sát thường xuyên tại Công trường để cùng với Bên B giải quyết các vướng mắc (nếu có) và xác nhận khối lượng công việc đã thực hiện, thời gian thực hiện thực tế của Bên B.
- Thông báo và cung cấp kịp thời cho Bên B các thông tin thay đổi về yêu cầu của Bên A trên cơ sở quy định Hợp đồng (nếu có).
- Tạm ứng, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán cho Bên B theo quy định của Hợp đồng này.
- Thông báo các điểm tập kết rác thải để Bên B tập kết theo đúng quy định.
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

9.1. Quyền của Bên B:

- Thực hiện các công việc được quy định trong Hợp đồng này, đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn.
- Được cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan, công cụ dụng cụ đặc biệt (nếu có) để phục vụ công việc.
- Được đáp ứng đầy đủ, kịp thời các yêu cầu chính đáng theo Luật định hoặc đã được Bên A chấp thuận về ATSKMT. Trong một số trường hợp được quyền từ chối vì lý do an toàn nhưng phải chịu trách nhiệm về hành động này.
- Toàn bộ nhân lực của Bên B tham gia thi công công trình sẽ được Bên A bồi huấn về an toàn trước khi vào thi công.
- Được tạm ứng, thanh toán, quyết toán theo quy định của Hợp đồng.

9.2. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên B:

- Chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung biện pháp thi công, biện pháp an toàn, tiến độ thi công chi tiết liên quan phạm vi công việc được giao ngay cả trong trường hợp các bên liên quan đã thông qua.

- Tập kết toàn bộ nhân lực để thực hiện công việc của Hợp đồng trước 02 (hai) ngày tại Nhà máy để Bên A đào tạo hướng dẫn an toàn, nội quy, quy định lao động.
- Trang bị bảo hộ lao động, đồng phục đầy đủ, mua bảo hiểm bắt buộc cho tất cả các nhân sự của Bên B theo quy định Nhà nước (nếu có) và Bên A khi tham gia thực hiện Hợp đồng. Bảo hộ lao động và đồng phục của Bên B phải có đầy đủ logo và tên của Bên B hoặc có bảng đeo thể hiện đầy đủ các thông tin cần thiết.
- Cung cấp vật tư tiêu hao, vật liệu phụ đáp ứng số lượng, chủng loại và cung cấp máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn lao động để đảm bảo chất lượng thi công.
- Cam kết và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và hợp pháp của toàn bộ nhân sự, vật tư, máy móc, thiết bị, công cụ dụng cụ và của hồ sơ, tài liệu, chứng từ do Bên B cung cấp trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng.
- Cử nhân sự phối hợp với Bên A trong công tác kiểm tra, nghiệm thu, chạy thử và xác nhận vật tư trong quá trình thực hiện Hợp đồng.
- Mua bảo hiểm theo quy định hiện hành (bao gồm nhưng không giới hạn bảo hiểm cho người lao động, thiết bị thi công, …) và hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc trang bị vật tư, thiết bị, đảm bảo an toàn lao động cho con người, trật tự an ninh xã hội trong thời gian thực hiện Hợp đồng.
- Bố trí và chịu chi phí ăn uống, đi lại và nơi ở tại địa điểm làm việc cho nhân sự thi công và chuyên gia của Bên B trong quá trình thực hiện Hợp đồng.
- Thông báo ngay cho Bên A và các tổ chức, cá nhân có liên quan khi xảy ra sự cố.
- Dọn dẹp vệ sinh hiện trường và trả lại nguyên trạng nhu ban đầu ngay sau mỗi lần thực hiện kết thúc công tác bảo dưỡng, sửa chữa.
- Đối với các vật tư hàng hóa dễ cháy nổ, khi đưa vào công trường phải báo cáo và được sự cho phép của Bên A.
- Bàn giao lại toàn bộ vật tư thay thế do Bên A cấp nhưng không sử dụng/vật tư thu hồi (nếu có) cho Bên A sau khi Bên B hoàn thành phạm vi công việc theo Hợp đồng.
- Lập và giải trình các tài liệu, hồ sơ tạm ứng, thanh toán, quyết toán hợp đồng theo đúng quy định.
- Duy trì sổ sách, hóa đơn, chứng từ và các bằng chứng liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng này theo các quy định pháp luật hiện hành và có trách nhiệm trình sổ sách, hóa đơn, chứng từ bất kỳ lúc nào để Bên A kiểm tra hoặc khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

- Chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A trong trường hợp mất mát, hư hỏng do nhân sự của Bên B gây ra.
- Trong quá trình thi công các vấn đề kỹ thuật liên quan Bên B phải tìm hiểu tài liệu O&M, dựa vào kinh nghiệm thực tế để đưa ra giải pháp tốt nhất cho thiết bị và phải có giám sát trực tiếp của Bên A trước khi tiến hành nghiệm thu chuyển bước ở những mốc điểm dừng kỹ thuật quan trọng.
- Thanh toán cho Bên A khoản tiền phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại trong trường hợp Bên B vi phạm hợp đồng này như quy định tại Điều 16 của Hợp đồng này.
- Bên B phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn và bảo vệ môi trường cho tất cả các hoạt động của mình tại Nhà máy theo quy định của Pháp luật hiện hành và theo yêu cầu của Bên A/ Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh tại thời điểm thực hiện hợp đồng.
- Đảm bảo nhân sự của Bên B tuân thủ và thực hiện nghiêm túc trong công tác phòng chống bệnh truyền nhiễm nhóm A (nếu có) theo quy định hiện hành của Chính phủ, Bộ Y tế, Sở ban ngành địa Phương, Nhà máy điện Vũng Áng 1. Chủ động làm việc với chính quyền địa phương trong trường hợp cần thiết.
- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và quy định tại các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này.

Điều 10. Nhân sự thực hiện dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa:

10.1. Bên B phải huy động tất cả nhân sự tối thiểu theo danh sách nhân sự chủ chốt tại Phụ lục 4 để thực hiện các nội dung công việc trừ trường hợp Bên A có thỏa thuận khác. Trong đó:

- Bên B không được thay thế nhân sự chủ chốt (chỉ huy trưởng công trường, cán bộ giám sát kỹ thuật, tổ trưởng chuyên môn) trừ những trường hợp ốm đau, mất khả năng lao động,... Trong trường hợp này, Bên B đề xuất thay đổi nhân sự bằng văn bản (kèm theo hồ sơ năng lực, các chứng chỉ liên quan đến nhân sự mới tương ứng với vị trí nhân sự thay đổi) gửi Bên A xem xét chấp thuận thông qua, muộn nhất 15 ngày trước khi thi công, Bên B chỉ được thay thế nhân sự chủ chốt sau khi được Bên A chấp thuận. Nhân sự chủ chốt thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn nhân sự chủ chốt đã đề xuất. Trong trường hợp này, Bên B phải cung cấp các tài liệu sau:
  + Bản sao được chứng thực các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn.
  + Hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh năng lực kinh nghiệm của nhân sự.
  + Tài liệu chứng minh cho trường hợp ốm đau, mất khả năng lao động có xác nhận của bệnh viện, cơ quan có thẩm quyền.

- Bên B chỉ được thay đổi tối đa 30% trên tổng số lượng nhân sự tại Phụ lục 4, nhân sự Bên B đề xuất thay đổi phải có trình độ/năng lực tối thiểu bằng hoặc lớn hơn nhân sự bị thay đổi. Trong trường hợp thay đổi Bên B phải cung cấp các hồ sơ liên quan và tiến độ như quy định đối với việc thay thế nhân sự nêu trên.
- Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên B không được huy động nhân sự thực hiện Hợp đồng này tham gia bất kỳ Hợp đồng khác phục vụ trung tu tổ máy số 1 NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2026 (ngoại trừ nhân sự chỉ huy trưởng nếu Bên B cam kết nhân sự này có thể đảm nhận được đáp ứng chất lượng, tiến độ các Hợp đồng).

10.2. Nhân sự của Bên B phải đảm bảo:

- Có đủ năng lực và kinh nghiệm, bằng cấp, chứng chỉ liên quan;
- Được huấn luyện, đào tạo và đáp ứng các yêu cầu về an toàn trước khi thực hiện công việc;
- Tuân thủ các quy trình an toàn của Bên A trong quá trình thực hiện.

10.3. Bên A có quyền yêu cầu Bên B thay đổi bất kỳ nhân sự nào của Bên B và nhà thầu phụ của Bên B khi có bằng chứng chứng minh nhân sự của Bên B hoặc nhà thầu phụ của Bên B vi phạm một trong các trường hợp sau:

- Không bảo đảm năng lực chuyên môn để thực hiện công việc theo Hợp đồng;
- Có những biểu hiện không tốt về hành vi, hạnh kiểm (như say rượu, gây gổ, đánh người, cư xử thiếu văn hóa, xâm phạm tài sản…); vi phạm pháp luật từ mức bị lập biên bản vi phạm bởi cơ quan bảo vệ pháp luật địa phương trở lên;
- Vi phạm nghiệm trọng các điều khoản của Hợp đồng;
- Không có biện pháp tích cực và đúng đắn bảo đảm an toàn trong công việc, hoặc để xảy ra tai nạn chủ quan cho người và thiết bị nhưng không kịp thời, nhanh chóng khắc phục hậu quả;
- Không có tinh thần hợp tác tích cực với Bên A để thực hiện ngay công tác bảo trì sửa chữa hệ thống/thiết bị (trong sửa chữa định kỳ, sự cố) nhằm bảo đảm nhanh chóng đưa Nhà máy/hệ thống/thiết bị trở lại vận hành.
- Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của Bên A, trong vòng 03 ngày làm việc, Bên B phải thực hiện thay thế nhân sự có năng lực và kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Bên B chịu.

Điều 11. Nghiệm thu hoàn thành

11.1. Nghiệm thu hoàn thành dịch vụ:

- Căn cứ kiểm tra, nghiệm thu hoàn thành công việc bao gồm các bản vẽ thiết kế của Nhà chế tạo thiết bị, tài liệu vận hành bảo dưỡng sửa chữa, thuyết minh chỉ dẫn kỹ thuật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan, chứng chỉ kết quả thí nghiệm, kiểm định, ...
- Bên B phải thông báo trước cho Bên A tối thiểu 24 giờ làm việc để thực hiện nghiệm thu hoàn thành công việc theo thiết bị, hệ thống.
- Bên B chuẩn bị đầy đủ các phương tiện máy móc phục vụ công tác nghiệm thu.
- Bên A cử đại diện giám sát, nghiệm thu các bước trong quá trình thực hiện công việc và cùng trực tiếp nghiệm thu hoàn thành công việc.
- Đối với kiểm tra hoàn thành từng giai đoạn trong quá trình thực hiện công việc, Bên B thực hiện đo đạc đầy đủ các thông số của thiết bị theo các biểu mẫu kiểm tra của Bên A. Các thông số này phải được thông qua và xác nhận bởi đại diện của Bên A trước khi Bên B thực hiện các công việc tiếp theo.
- Bên B cung cấp đầy đủ Hồ sơ nghiệm thu chất lượng theo Quy định nghiệm thu và Biện pháp thi công đã được Bên A phê duyệt.
- Công tác nghiệm thu dịch vụ chỉ được thực hiện khi hoàn thành công tác lắp đặt và chạy thử thiết bị 72 giờ, thiết bị đạt các thông số vận hành đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo tài liệu O&M.
- Bên A có quyền từ chối nghiệm thu dịch vụ nếu thi công không đạt chất lượng theo yêu cầu của Bên A theo quy định của Hợp đồng hoặc khi thiết bị không đạt đủ thông số vận hành. Trong trường hợp này, Bên B bằng chi phí của mình, có trách nhiệm thực hiện lại công tác bảo dưỡng sửa chữa. Trường hợp việc thực hiện lại làm ảnh hưởng đến tiến độ chung để nhà máy trở lại vận hành thương mại, ngoài việc chịu chi phí thực hiện lại, Bên B còn có trách nhiệm bồi thường cho Bên A những thiệt hại trực tiếp.

Điều 12. Nhà thầu phụ

- Bên B chỉ được ký kết hợp đồng thuê các Nhà thầu phụ để thực hiện một phần công việc theo tỷ lệ đã được kê khai trong E-HSDT. Việc sử dụng Nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên B. Bên B phải chịu trách nhiệm trước Bên A về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do Nhà thầu phụ thực hiện.
- Trường hợp thay thế Nhà thầu phụ, Bên B chỉ được thực hiện thay thế khi có sự chấp thuận của Bên A.
- Bên B có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Bên B và nhà thầu phụ. Bên B không được sử dụng nhà thầu phụ cho các công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ trong HSDT.

- Khi có yêu cầu của Bên A, Bên B sẽ phải cung cấp các tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm của các Nhà thầu phụ để thực hiện công việc được giao.

Điều 13. Bổ sung Hợp đồng và quy trình xử lý khi có phát sinh tăng, giảm

13.1. Việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong trường hợp phát sinh bổ sung hạng mục công việc cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong Hợp đồng này. Hai bên sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết Sửa đổi, Bổ sung Hợp đồng.

13.2. Đối với các công việc phát sinh tăng ngoài phạm vi công việc quy định tại Phụ lục 1 nhưng thuộc phạm vi hệ thống thiết bị do Bên B phụ trách thực hiện theo Hợp đồng này, Bên B thực hiện theo trình tự sau:

i. Tiếp nhận thông tin về phát sinh công việc từ Bên A.

ii. Khảo sát thực tế và phân tích khả năng thực hiện công việc.

iii. Lập bản chào giá.

iv. Sau khi Bên A xem xét bản chào, hai bên tiến hành thương thảo, thống nhất việc thực hiện công việc với Bên A bằng Sửa đổi, Bổ sung Hợp đồng để thể hiện Bên A cho phép Bên B thực hiện công việc ngoài phạm vi dịch vụ.

v. Chuẩn bị thi công: Thực hiện các công tác chuẩn bị vật tư, vật liệu, thiết bị, máy thi công và nhân lực thi công khi được phép của Bên A.

vi. Thực hiện công việc: Bên B tiến hành thực hiện các công việc đã được thống nhất với Bên A.

vii. Nghiệm thu sau khi hoàn thành: Nghiệm thu quá trình thực hiện công việc theo đúng các quy trình hiện hành của Bên A và Hợp đồng giữa các bên (nếu có).

viii. Giá trị phát sinh được thanh toán trên cơ sở hai bên thống nhất tại Sửa đổi Bổ sung Hợp đồng.

ix. Trong trường hợp do yêu cầu của Bên A dẫn đến việc Bên B không triển khai hạng mục công việc thuộc phạm vi công việc quy định tại Phụ lục 1 thì các Bên thống nhất bằng Biên bản phát sinh giảm được đại diện có thẩm quyền ký xác nhận. Bên A không phải thanh toán cho các hạng mục phát sinh giảm và được giảm trừ thanh toán theo giá trị tại bảng giá quy định trong Phụ lục 2 của Hợp đồng.

Điều 14. Bảo hành

- Bên B có trách nhiệm bảo hành miễn phí toàn bộ công trình trong thời gian 05 năm, kể từ ngày ký Biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình đưa vào sử dụng. Trong thời gian bảo hành có bất kỳ khiếm khuyết nào Bên B phải sửa

chữa lại đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo hợp đồng. Thời gian bắt đầu tiến hành sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, sai sót chậm nhất sau 02 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu của Bên A.

- Bên B cung cấp cho Bên A:
  + Giấy Chứng nhận Bảo hành do Bên B phát hành chứng nhận dịch vụ cung cấp theo Hợp đồng sẽ được bảo hành trong vòng 05 năm kể từ ngày ký Biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình đưa vào sử dụng.
  + Thư Bảo lãnh bảo hành vô điều kiện không hủy ngang của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng có uy tín hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, giá trị bảo lãnh là 05% giá trị dịch vụ cung cấp và được bên A giữ lại cho đến ngày Bên B hết nghĩa vụ bảo hành. Thời hạn bảo lãnh 05 năm kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng, trong trường hợp ngày phát hành sau ngày ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng thì thời hạn bảo lãnh 06 tháng kể từ ngày ngân hàng phát hành bảo lãnh.
- Trường hợp Bên B không thực hiện trách nhiệm bảo hành, Bên A buộc phải sửa chữa xử lý thì Bên B phải chịu chi phí sửa chữa đó, kể cả chi phí đó vượt giá trị bảo lãnh bảo hành.
- Đối với các công việc Bên B thực hiện không tuân thủ quy định thì phải có trách nhiệm khắc phục bằng chi phí của Bên B.

Điều 15. Bảo mật Hợp đồng

- Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên A, Bên B không được tiết lộ nội dung của hợp đồng cho bất cứ ai không phải là người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Việc Bên B cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng này.
- Các tài liệu, thông tin là sản phẩm của dịch vụ trong khuôn khổ Hợp đồng thuộc quyền sở hữu của Bên A. Bên B có thể giữ lại bản sao của các tài liệu và thông tin này nhưng không được sử dụng vào mục đích khác nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên A.

Điều 16. Phạt vi phạm Hợp đồng và bồi thường thiệt hại

16.1.Phạt chậm tiến độ Hợp đồng:

Mức phạt chậm tiến độ tối đa Hợp đồng khi Bên B vi phạm Hợp đồng gây thiệt hại cho Bên A là 8% giá trị Hợp đồng trước thuế. Nếu Bên B do lỗi của mình dẫn đến chậm tiến độ thực hiện Hợp đồng thì mức phạt đối với mỗi hạng mục chậm tiến độ được áp dụng như sau:

- Mức khấu trừ: 01%/ngày của giá trị hạng mục thực hiện chậm.
- Mức khấu trừ tối đa: 08% giá trị hợp đồng trước thuế.
- Thời gian phạt chậm tiến độ được tính kể từ ngày ký Biên bản bàn giao mặt bằng.

16.2. Bồi thường thiệt hại:

i. Trường hợp Bên B vi phạm hợp đồng gây thiệt hại cho Bên A khi không thực hiện một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng thì ngoài trách nhiệm phạt vi phạm tại Điều 16.1, Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại thực tế gây ra cho Bên A. Mức bồi thường thiệt hại không vượt quá 100% giá trị của hợp đồng.

ii. Trường hợp Bên B thực hiện công việc không đảm bảo chất lượng dịch vụ làm ảnh hưởng tới hệ thống/thiết bị/công tác vận hành, ngoài trách nhiệm phạt vi phạm tại Điều 16.1, Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế gây ra cho Bên A.

16.3. Nếu Bên B chậm trễ trong việc thực hiện các nghĩa vụ của Hợp đồng thì phải chịu phạt vi phạm theo quy định tại Điều 16 này, trừ trường hợp được Bên A chấp thuận là bất khả kháng theo quy định tại Điều 16 của Hợp đồng và/hoặc hai Bên thống nhất áp dụng gia hạn thời gian thực hiện Hợp đồng thì sẽ áp dụng theo các điều khoản ràng buộc được hai Bên thỏa thuận bổ sung.

16.4. Phạt vi phạm An toàn – Sức khỏe – Môi trường:

Nếu Bên B chậm trễ trong việc trình Hồ sơ theo quy định tại Điều 4 Hợp đồng này thì mức phạt áp dụng như sau kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực:

- Từ ngày thứ 21 đến ngày thứ 27: Phạt 50.000.000 VNĐ (Năm mươi triệu VNĐ);
- Từ ngày thứ 28 đến ngày 35: Phạt 100.000.000 VNĐ (Một trăm triệu VNĐ);
- Từ ngày thứ 36 trở lên: Phạt 150.000.000 VNĐ (Một trăm năm mươi triệu VNĐ).

16.5. Phạt vi phạm về nhân sự thực hiện Hợp đồng:

Nếu Bên B vi phạm trong việc thay thế nhân sự theo quy định tại Điều 11 Hợp đồng này thì mức phạt áp dụng như sau:

- Trường hợp Bên B thay đổi quá 30% tổng số nhân sự trực tiếp thực hiện Hợp đồng này: Mức phạt 10.000.000 VNĐ/người/lần/vị trí công tác (Mười triệu VNĐ/người/lần/vị trí công tác).
- Trường hợp Bên B thay đổi nhân sự lần thứ 2 cho 1 vị trí mà không chứng minh được lý do bắt buộc thay thế: Mức phạt 15.000.000 VNĐ/người/lần/vị trí công tác (mười lăm triệu VNĐ/người/lần/vị trí công tác).

16.6. Việc thanh toán tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại sẽ được khấu trừ từ Giá Hợp đồng tương ứng.

Điều 17. Chấm dứt hợp đồng

17.1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn để thực hiện.

b) Bên A hoặc Bên B bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái cơ cấu hoặc sáp nhập.

d) Xảy ra Sự kiện bất khả kháng.

e) Chậm tiến độ thực hiện Hợp đồng vượt quá thời gian quy định.

17.2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a Điều 17.1, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp dịch vụ khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm đối với phần hợp đồng do mình thực hiện.

17.3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b Điều 17.1, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 18. Bất khả kháng

- Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép,

gây ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Hai Bên theo Hợp đồng này, bao gồm các sự kiện sau:

+ Chiến tranh, dịch bệnh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, sóng thần, động đất, núi lửa, lốc xoáy, hạn hán, lũ lụt.
+ Sự cố của hệ thống điện Quốc gia gây ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của Nhà máy.

- Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, Bên chịu tác động trước bởi sự kiện bất khả kháng phải thông báo ngay thông qua các hình thức thông tin liên lạc và không muộn hơn 48 giờ phải có thông báo bằng văn bản cho Bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Văn bản thông báo về sự kiện bất khả kháng phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.
- Trong khoảng thời gian không thể thực hiện công việc do điều kiện bất khả kháng, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng.
- Nếu một Bên bị hoặc sẽ bị cản trở việc thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào theo quy định của Hợp đồng vì nguyên nhân Bất khả kháng, thì bên đó phải gửi thông báo cho Bên kia về sự cố Bất khả kháng, đồng thời chỉ rõ các nghĩa vụ không thể thực hiện được. Thông báo này phải được gửi trong vòng mười bốn (14) ngày sau khi Bên đó biết hoặc đáng lẽ đã biết về hoàn cảnh/tình huống dẫn đến Bất khả kháng. Bên đó sau khi đã gửi thông báo, sẽ được miễn việc thực hiện các nghĩa vụ vì lý do Bất khả kháng.
- Trong trường hợp xảy ra Bất khả kháng, Bên B sẽ cố gắng thực hiện tốt nhất nghĩa vụ của mình, tuy nhiên hai Bên sẽ thương lượng và thống nhất các chi phí bổ sung cần thiết để Bên B nỗ lực thực hiện công việc của mình trong quá trình xảy ra Bất khả kháng.

Điều 19. Giải quyết tranh chấp

- Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa Hai Bên thông qua thương lượng, hòa giải.
- Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều

có thể yêu cầu đưa vụ việc tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền, luật điều chỉnh Hợp đồng là luật Việt Nam. Mọi chi phí liên quan do bên thua chịu.

- Việc thực hiện Hợp đồng vẫn phải tiếp tục trong suốt quá trình giải quyết tranh chấp trừ khi Bên A ra lệnh ngừng thực hiện công việc.

Điều 20. Điều khoản khác

20.1. Những vấn đề không được quy định trong Hợp Đồng này sẽ tuân thủ các văn bản pháp luật hiện hành khác của Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

20.2. Bất kỳ thay đổi, sửa đổi, bổ sung nào có liên quan tới Hợp đồng này đều phải được cả hai Bên thỏa thuận bằng văn bản.

20.3. Các Phụ lục Hợp đồng kèm theo và các Sửa đổi Bổ sung Hợp đồng (nếu có) là bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng này. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng với các Phụ lục kèm theo và các sửa đổi bổ sung Hợp đồng thì nội dung các điều khoản và điều kiện sẽ được ưu tiên thi hành theo thứ tự như sau: i. Hợp đồng, ii. Phụ lục, iii. Các sửa đổi bổ sung Hợp đồng.

20.4. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký Hợp đồng và kết thúc khi hai bên thực hiện xong các nghĩa vụ và trách nhiệm được quy định trong Hợp đồng này.

20.5. Hợp đồng được lập thành 05 bộ, Bên A giữ 03 bộ, Bên B giữ 02 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**

PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

Phụ lục 01: Phạm vi công việc.

Phụ lục 02: Bảng giá Hợp đồng.

Phụ lục 03: Danh sách nhân sự chủ chốt.

Phụ lục 04: Danh sách thiết bị thi công chủ yếu.

Phụ lục 05: Quy định về ATSKMT.

Phụ lục này được lập trên cơ sở bảng chào giá dự thầu của Nhà thầu theo các Mẫu bảng giá dự thầu tương ứng nêu tại E-HSMT và các thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, trong đó bao gồm đơn giá, thành tiền cho từng hạng mục, nội dung công việc.

Mẫu số 15

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ *[ghi tên Chủ đầu tư]* (sau đây gọi là "Chủ đầu tư")

Theo đề nghị của ____ *[ghi tên Nhà thầu]* (sau đây gọi là "Nhà thầu") là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ *[ghi tên gói thầu]* và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ cho gói thầu trên (sau đây gọi là "Hợp đồng"); (1)

Theo quy định trong E-HSMT *(hoặc hợp đồng)*, Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi,____ *[ghi tên của ngân hàng]* có trụ sở đăng ký tại____ *[ghi địa chỉ của ngân hàng(2)]* (sau đây gọi là "Ngân hàng"), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là____ *[ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT]*. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ *[ghi số* tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày___ tháng__ năm___ (3).

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Chủ đầu tư xem xét, sửa lại như sau:

"Theo đề nghị của____ *[ghi tên Nhà thầu]* (sau đây gọi là "Nhà thầu") là nhà thầu trúng thầu gói thầu____ *[ghi tên gói thầu]* đã ký hợp đồng số__ *[ghi số hợp đồng]* ngày__ tháng___ năm___ (sau đây gọi là "Hợp đồng")."

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT.

Mẫu số 16

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG [1]

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi:___ *[ghi tên Chủ đầu tư]* (sau đây gọi là "Chủ đầu tư ")

[ghi tên hợp đồng, số hợp đồng]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, ___ *[ghi tên và địa chỉ của nhà thầu]* (sau đây gọi là "Nhà thầu") phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng ___ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi,____ *[ghi tên của ngân hàng]* có trụ sở đăng ký tại ___ *[ghi địa chỉ của ngân hàng[2]]* (sau đây gọi là "Ngân hàng"), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá ___ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 12.1 E-ĐKCT của E-HSMT].*

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Chủ đầu tư thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định tại Điều 5 của Hợp đồng sau khi nhà thầu xuất trình văn bản xác nhận của Chủ đầu tư về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày___ tháng___ năm___ [3] hoặc khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 12.1 E-ĐKCT.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày hoàn thành việc cung cấp dịch vụ quy định trong hợp đồng. Trong trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng thì yêu cầu gia hạn thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng.

Mẫu số 17

GIẤY ỦY QUYỀN [1]

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____*[ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu]*, là người đại diện theo pháp luật của ____ *[ghi tên nhà thầu]* có địa chỉ tại ____*[ghi địa chỉ của nhà thầu]* bằng văn bản này ủy quyền cho____ *[ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền]* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____*[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án/dự toán mua sắm____*[ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* do ____*[ghi tên Chủ đầu tư]* tổ chức:

[- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình đối chiếu tài liệu;

- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp][2].

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____*[ghi tên nhà thầu]*. ____*[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____*[ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____[3]. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Chủ đầu tư giữ___bản.

Người được ủy quyền	**Người ủy quyền**
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]	*[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư khi đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được

tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng và phải bảo đảm ngày có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.